



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



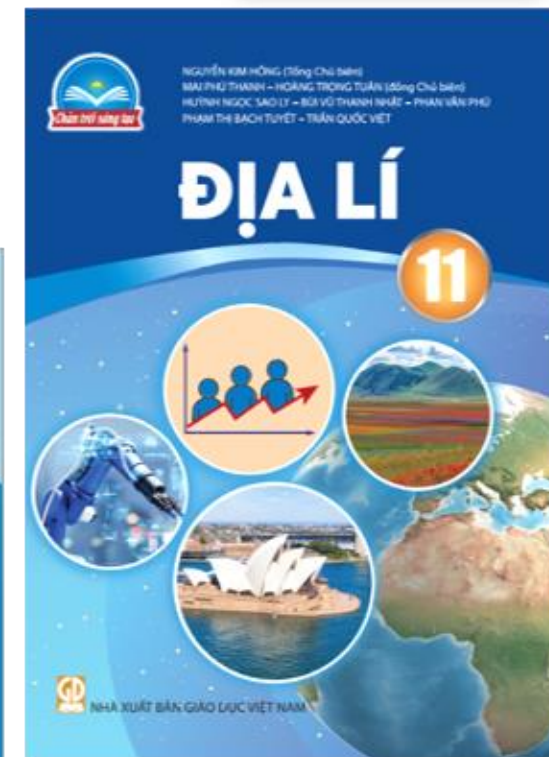
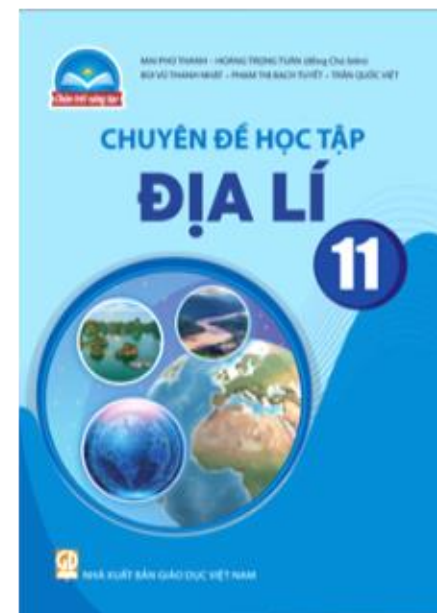
Chân trời sáng tạo

SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 11

NGUYỄN KIM HỒNG (TỔNG CHỦ BIÊN)

MAI PHÚ THANH – HOÀNG TRỌNG TUÂN (ĐỒNG CHỦ BIÊN)

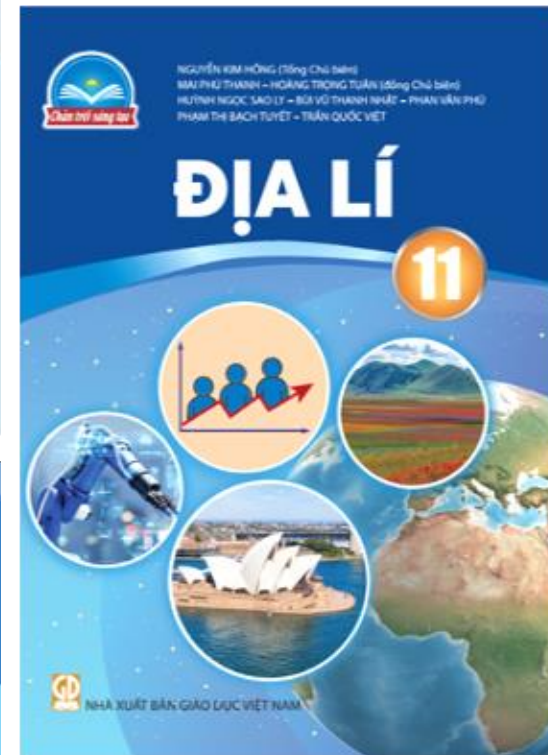
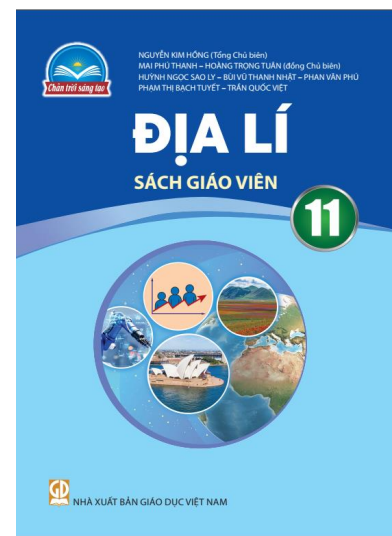
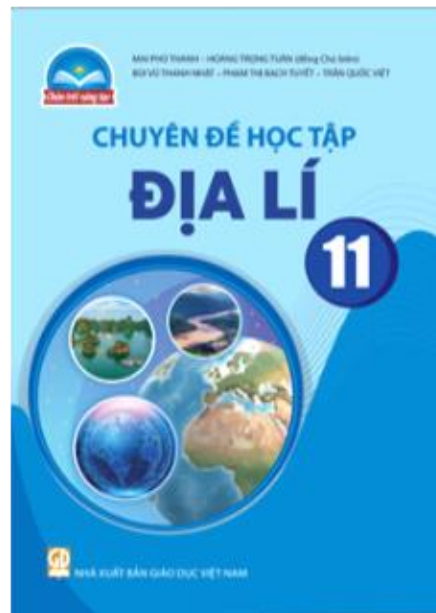
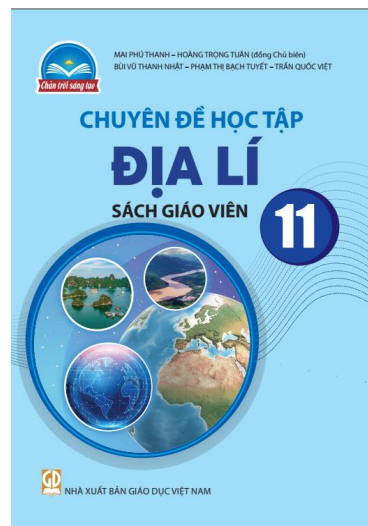
**HUYỀN NGỌC SAO LY, BÙI VŨ THANH NHẬT, PHAN VĂN PHÚ,
PHẠM THỊ BẠCH TUYẾT, TRẦN QUỐC VIỆT**





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TẬP HUẤN SGK ĐỊA LÍ 11



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM





NỘI DUNG CHÍNH

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

B. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC MỘT SỐ DẠNG BÀI

C. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

I. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SGK ĐỊA LÍ 11

❖ *Quan điểm biên soạn*

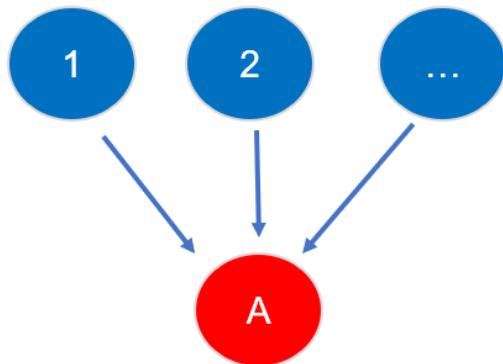
- ✓ Bám sát chương trình, kế thừa bộ sách giáo khoa (SGK) hiện hành và học hỏi kinh nghiệm viết SGK ở các nước tiên tiến
- ✓ Tăng tính hấp dẫn của SGK
- ✓ Giúp HS phát triển khả năng tự học
- ✓ Nội dung SGK được xây dựng theo hướng mở, thuận lợi cho GV trong tổ chức hoạt động dạy học

❖ *Cơ sở biên soạn*

- ✓ Nghị quyết 29-NQ/TW, Nghị quyết 88/2014/QH13, Quyết định số 404/QĐ-TTg về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo.
- ✓ Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT, ngày 22-12-2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa, thẩm định sách giáo khoa (SGK).
- ✓ Chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- ✓ Luật Giáo dục (sửa đổi) năm 2019.

1. Cách tiếp cận

- Chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực.
- Các bài học được trình bày theo hình thức quy nạp để HS đưa ra các nhận định, kết luận.



❖ Những điểm mới



III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

1. Dân cư

? Dựa vào bảng 12.1, các hình 12.3, 12.4 và thông tin trong bài, hãy:

- Trình bày đặc điểm dân cư của khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích tác động của đặc điểm dân cư đến phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á.

Năm 2020, số dân của khu vực là 668,4 triệu người, chiếm 8,6% số dân thế giới. Tỉ lệ gia tăng dân số có xu hướng giảm nhưng số dân vẫn không ngừng gia tăng.

Bảng 12.1. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của khu vực Đông Nam Á, năm 2000 và 2020

(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi \ Năm	Từ 0 đến 14 tuổi	Từ 15 đến 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
2000	31,8	63,3	4,9
2020	25,2	67,7	7,1

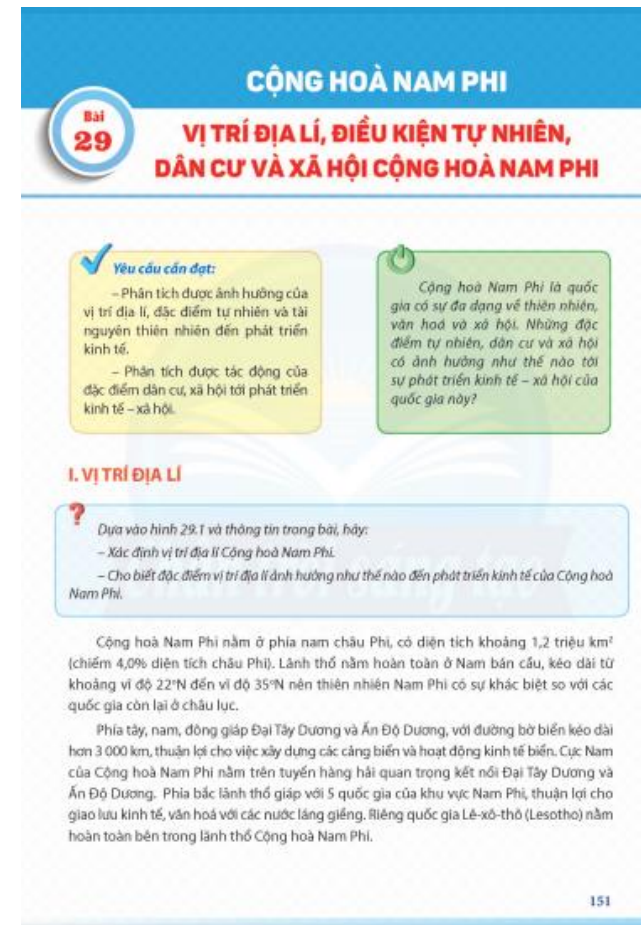
(Nguồn: WB, 2022)

Với quy mô dân số lớn, Đông Nam Á có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ hàng hoá rộng lớn. Về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi, khu vực Đông Nam Á có cơ cấu dân số trẻ nhưng đang có xu hướng già hoá, tỉ lệ người trên độ tuổi lao động tăng nhanh. Cơ cấu dân số này mang đến cơ hội trong việc sử dụng nguồn lao động, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, chất lượng dân số nhưng cũng đặt ra những thách thức về vấn đề giải quyết việc làm, an sinh xã hội, chăm sóc y tế,...



2. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học

- Bổ sung phần *Hướng dẫn sử dụng sách* và *Giải thích thuật ngữ*.
- Bổ sung các bài học mới: bài 6, bài 29, bài 30,...
- Mỗi bài học được cấu trúc làm 4 phần (tương ứng với 4 hoạt động học tập trong mẫu kế hoạch theo công văn số 5512 /BGDĐT-GDTrH - năm 2020).



LUYỆN TẬP

1. Hãy lập bảng tóm tắt ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội của Cộng hoà Nam Phi.
2. Vẽ sơ đồ thể hiện một số đặc điểm dân cư của Cộng hoà Nam Phi.

VẬN DỤNG

Sưu tầm thông tin về một vấn đề xã hội ở Cộng hoà Nam Phi hiện nay và phân tích tác động của nó đến sự phát triển kinh tế – xã hội ở quốc gia này.

PHẦN HAI. ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA

KHU VỰC MỸ LA TINH

**Bài
8**

**TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI
VÀ KINH TẾ MỸ LA TINH**

LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

**Bài
10**

LIÊN MINH CHÂU ÂU

**Bài
6**

MỘT SỐ VẤN ĐỀ AN NINH TOÀN CẦU

Nội dung mang tính liên thông

3. Nội dung kiến thức

- Nội dung vừa mang tính liên thông giữa các lớp vừa đảm bảo tính mới.
- **Nội dung kiến thức đáp ứng tính cơ bản, khoa học, hiện đại, thiết thực, phù hợp.**
- Các bài học được thiết kế nhằm tạo điều kiện cho GV vận dụng sáng tạo các phương pháp dạy học, đánh giá (theo hướng phát triển năng lực HS).

Nội dung mang tính mới

4. Kênh thông tin

- Hệ thống kênh hình phong phú.
- Bản đồ gắn với thuộc tính: chất lượng, số lượng, phân bố của đối tượng địa lí → được đầu tư kĩ lưỡng (37 bản đồ).
- Có tuyến thông tin bổ trợ: *Ô cửa tri thức*.



a. Dãy núi Đỏ thuộc dãy Rốc-ki
(bang Cô-lô-ra-đô)



b. Đồng bằng sông Mi-xi-xi-pi
(Mississippi, bang Lu-si-a-na – Louisiana)

Hình 17.2. Một số dạng địa hình ở Hoa Kỳ



Hình 30.3. Phân bố nông nghiệp ở Cộng hoà Nam Phi, năm 2021

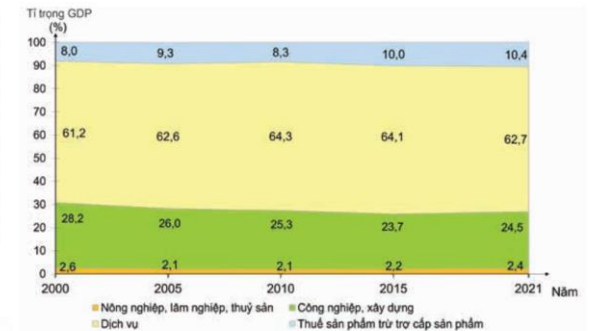
Bảng 12.2. GDP (theo giá hiện hành) của khu vực Đông Nam Á so với thế giới, giai đoạn 2000 – 2020

Vùng lãnh thổ	Năm		
	2000	2010	2020
Thế giới	33 830,8	66 596,0	84 906,8
Đông Nam Á	614,7	2 017,3	3 083,3

(Nguồn: WB, 2022)



Hình 17.3. Mạch nước Ô-phát-phun (Old Faithful) ở vườn quốc gia Ye-lô-xtôn (Yellowstone)
Vườn quốc gia Ye-lô-xtôn nằm ở ba bang Oai-ô-minh (Wyoming), Môn-ta-na (Montana) và Ai-đà-hô (Idaho) của Hoa Kỳ. Được thành lập vào ngày 1 tháng 3 năm 1872, có diện tích hơn 8 900 km², Ye-lô-xtôn là vườn quốc gia đầu tiên trên thế giới với hệ thống động, thực vật hoang dã phong phú, có giá trị cao. Đặc biệt, vườn quốc gia có các điểm địa nhiệt, nổi tiếng nhất là mạch nước phun Ô-phát-phun.
(Nguồn: khoa học.tv)



Hình 30.1 Chuyển dịch cơ cấu GDP ở Cộng hoà Nam Phi, giai đoạn 2000 – 2021

(Nguồn: WB, 2022)

Kĩ năng viết và trình bày báo cáo

5. Kĩ năng thực hành

Toàn SGK có đến 11 bài thực hành (bài học độc lập) → Giúp HS rèn luyện kĩ năng xử lí số liệu, vẽ biểu đồ, đọc bản đồ, viết báo cáo, làm việc nhóm, thuyết trình,...

Kĩ năng xử lí số liệu, vẽ biểu đồ

I. NỘI DUNG

? Hãy thu thập tư liệu, viết báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

Gợi ý nội dung báo cáo:

1. Khái niệm
 2. Đặc điểm
- Nêu những đặc điểm của nền kinh tế tri thức.
3. Biểu hiện
- Nêu các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.
 - Cho ví dụ về các sản phẩm ứng dụng của nền kinh tế tri thức.

II. CHUẨN BỊ

- Thu thập tư liệu về khái niệm, đặc điểm, biểu hiện của nền kinh tế tri thức từ internet, sách, báo, tạp chí,...
- Hệ thống hoá các tư liệu. So sánh, xử lí tư liệu thu thập được nhằm phục vụ nội dung của báo cáo.
- Xây dựng đề cương báo cáo.

III. GỢI Ý MỘT SỐ THÔNG TIN THAM KHẢO

Thu thập tư liệu từ một số website như:

- Tạp chí Cộng sản/ Các bài viết về phát triển kinh tế tri thức tại Việt Nam: <https://www.tapchicongsan.org.vn>
- Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế/ Khái niệm, đặc điểm; các bài viết về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trên thế giới: <https://www.oecd.org>
- Liên hợp quốc/ Các bài viết, báo cáo về phát triển kinh tế tri thức thế giới: <https://www.un.org>



Hình 7. Một số đặc điểm của nền kinh tế tri thức

Yêu cầu cần đạt:

Về được biểu đồ, nhận xét biểu đồ, phân tích bảng số liệu và truyền đạt được thông tin địa lí về hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của khu vực Đồng Nam Á.

I. NỘI DUNG

1. Hoạt động du lịch

- ?**
- Dựa vào bảng 14, hãy vẽ biểu đồ thể hiện số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch khu vực Đông Nam Á, giai đoạn 2005 – 2019.
 - Từ biểu đồ đã vẽ, bảng 14 và thông tin thu thập được, hãy nhận xét, phân tích và truyền đạt thông tin về hoạt động du lịch khu vực Đông Nam Á.

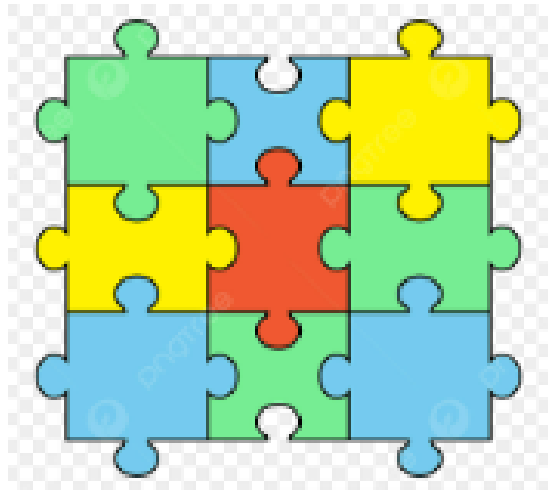
Bảng 14. Số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch khu vực Đông Nam Á, giai đoạn 2005 – 2019

Năm	2005	2010	2015	2019
Số lượt khách (triệu lượt người)	49,3	70,4	104,2	138,5
Doanh thu (tỉ USD)	33,8	68,5	108,5	147,6

(Nguồn: UNWTO, 2007, 2016, 2020)

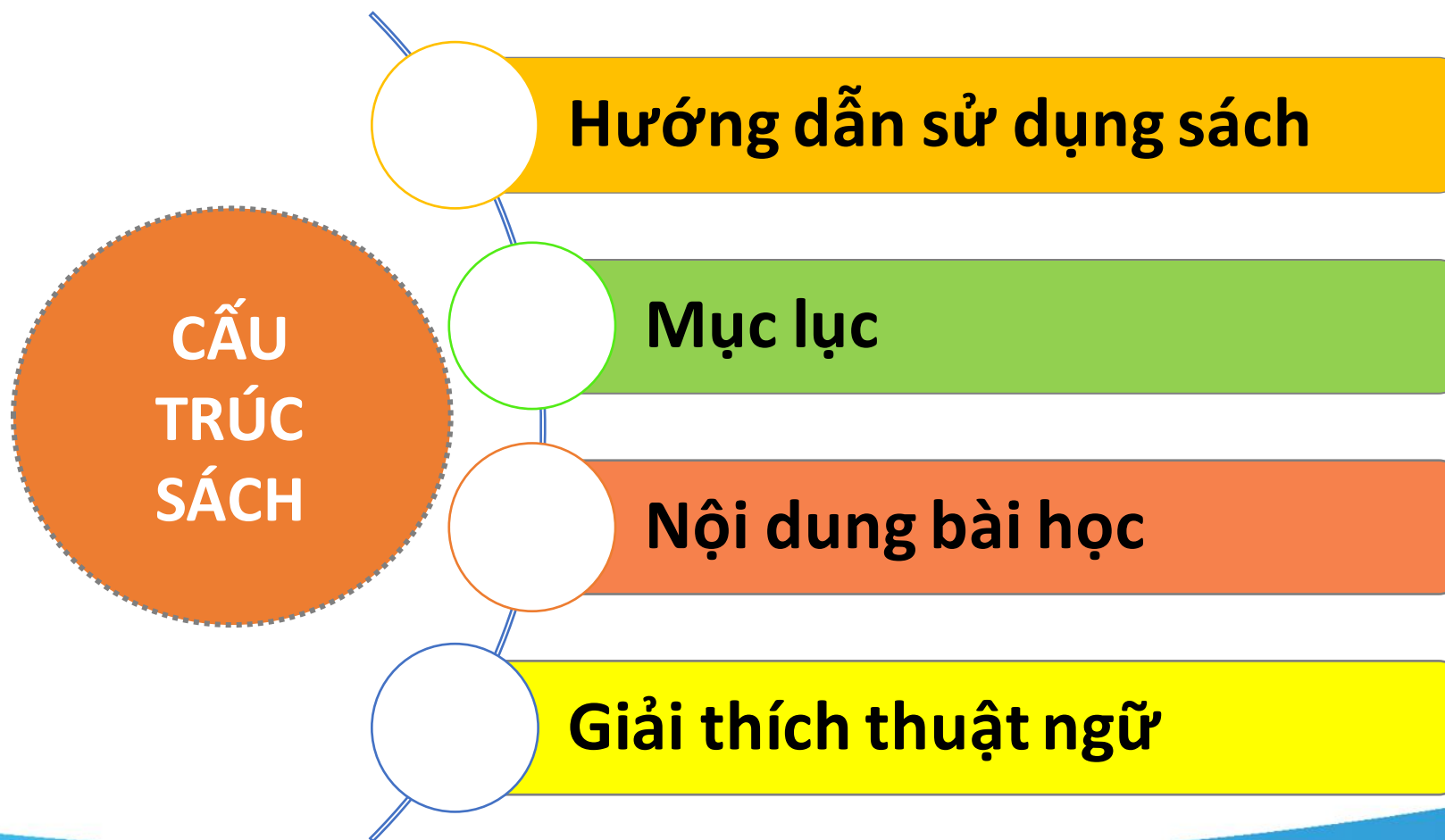
6. Tích hợp nội môn và liên môn

- Tích hợp nội môn giữa kiến thức tự nhiên và kinh tế - xã hội.
- Tích hợp liên môn giữa kiến thức môn Địa lí với các môn học khác.



A. HƯỚNG DẪN CHUNG

II. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC



1. Hướng dẫn sử dụng sách

Hướng dẫn sử dụng sách

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI VÀ KINH TẾ ĐÔNG NAM Á

Yêu cầu cần đạt
Những yêu cầu cần đạt về kiến thức và kĩ năng sau khi học sinh học xong mỗi bài học.

Hình thành kiến thức mới
Nội dung chính của bài học được thể hiện qua kênh chữ và kênh hình.

Ô cửa tri thức
Những thông tin bổ sung nhằm làm rõ hơn nội dung chính của bài học.

Tư liệu hình, bảng được sắp xếp theo thứ tự 1, 2, 3... đứng trước là số bài (Ví dụ tư liệu ở bài 20.1, 20.2, 20.3...) là cơ sở để tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh.

Mở đầu
Đẫn dắt học sinh vào bài học bằng cách gợi mở những vấn đề các em có thể khám phá.

Các câu hỏi trong bài giúp các em định hướng nội dung kiến thức cần tìm hiểu.

Luyện tập - Vận dụng
Các câu hỏi, bài tập, bài thực hành để học sinh củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng đã học nhằm nhận nhận, đánh giá, giải quyết những vấn đề trong thực tiễn có liên quan đến bài học.

Tư liệu hình, bảng được sắp xếp theo thứ tự 1, 2, 3... đứng trước là số bài (Ví dụ tư liệu ở bài 20.1, 20.2, 20.3...) là cơ sở để tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

- ✓ Hiểu cấu trúc bài học
 - ✓ Hiểu ý nghĩa các hoạt động
- Sử dụng sách dễ dàng, hiệu quả

2. Mục lục

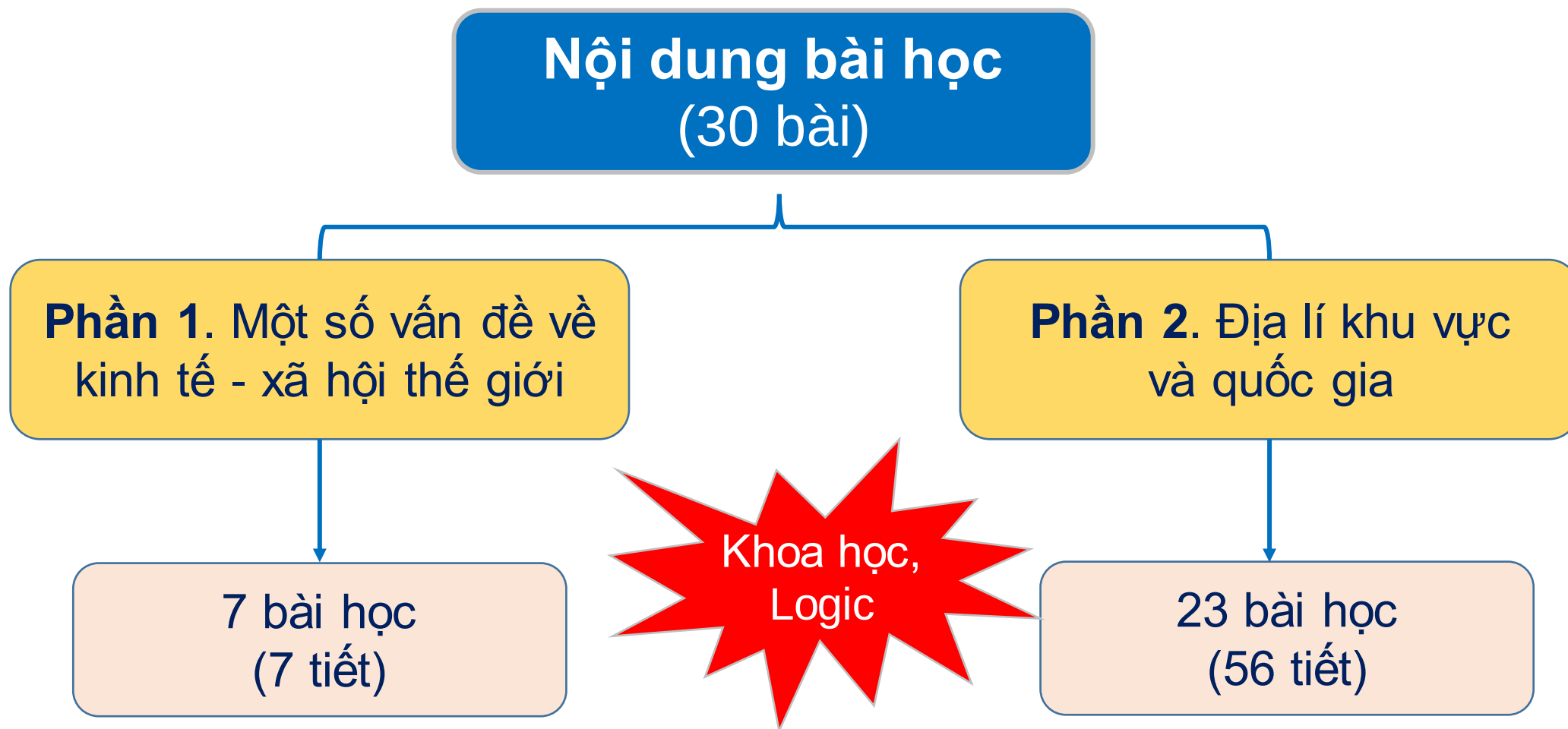
MỤC LỤC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH	2
LỜI NÓI ĐẦU	3
PHẦN MỘT. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI	8
Bài 1. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước	8
Bài 2. Thực hành: Tìm hiểu về kinh tế – xã hội của các nhóm nước.....	13
Bài 3. Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế.....	14
Bài 4. Thực hành: Tìm hiểu về toàn cầu hoá, khu vực hoá.....	18
Bài 5. Một số tổ chức quốc tế và khu vực	19
Bài 6. Một số vấn đề an ninh toàn cầu	22
Bài 7. Thực hành: Tìm hiểu nền kinh tế tri thức.....	27
PHẦN HAI. ĐỊA LÝ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA	28
KHU VỰC MỸ LA TINH	28
Bài 8. Tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế Mỹ La tinh.....	28
Bài 9. Thực hành: Tìm hiểu tình hình kinh tế – xã hội Cộng hoà liên bang Bra-xin.....	40



- ✓ Xem tổng thể
- ✓ Dễ tra cứu

3. Phần nội dung bài học



4. Giải thích thuật ngữ

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Hiệp định Thương mại tự do (Free Trade Agreement – FTA): một thoả thuận giữa hai hoặc nhiều thành viên nhằm loại bỏ các rào cản đối với phần lớn thương mại giữa các thành viên với nhau.

Hội đồng Bộ trưởng EU: gồm đại diện (thường ở cấp Bộ trưởng) của các quốc gia thành viên, là cơ quan đưa ra định hướng chính sách trong các lĩnh vực cụ thể và khuyến nghị Ủy ban châu Âu xây dựng các đạo luật chung.

Hội đồng châu Âu: cơ quan quyền lực cao nhất của EU, gồm lãnh đạo nước thành viên, Chủ tịch Hội đồng châu Âu và Chủ tịch Ủy ban châu Âu. Hội đồng đưa ra định hướng và ưu tiên chính trị cho cả khối, cùng với Nghị viện châu Âu thông qua các đạo luật của EU và ngân sách chung của Liên minh. Các quyết định của Hội đồng châu Âu chủ yếu được thông qua theo hình thức đồng thuận.

Nghị viện châu Âu: có chức năng chính là cùng Hội đồng Bộ trưởng ban hành luật pháp; giám sát các cơ quan của Liên minh châu Âu, đặc biệt là Ủy ban châu Âu.

Sự phân hoá lãnh thổ kinh tế Hoa Kỳ: sự phân chia lãnh thổ Hoa Kỳ thành các khu vực kinh tế khác nhau dựa trên những điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế, xã hội nhằm mang lại hiệu quả cao nhất về kinh tế, xã hội và môi trường.

Có nhiều phương án phân chia các khu vực lãnh thổ kinh tế ở Hoa Kỳ. Tuy theo các tiêu chí cụ thể, cách phân chia khu vực lãnh thổ có sự khác nhau giữa các phương án. Trong số những phương án được đưa ra, phương án chia thành 4 khu vực kinh tế (Đông Bắc, Phía Nam, Trung Tây, Phía Tây) của Cục Thống kê Dân số Hoa Kỳ rõ ràng, phù hợp với nhận thức của học sinh, thể hiện rõ mối quan hệ giữa các yếu tố tự nhiên, đặc điểm dân cư và hiện trạng phát triển kinh tế. Học sinh có thể dễ dàng liên kết các đơn vị kiến thức ở các phần tự nhiên, dân cư, xã hội, kinh tế vào nội dung phân hoá lãnh thổ kinh tế Hoa Kỳ.



- ✓ Giải nghĩa thuật ngữ khó
- ✓ Giúp HS tự học



Cấu trúc bài học

Yêu cầu cần đạt

Bài
18

KINH TẾ HOA KỲ

Mở đầu

Yêu cầu cần đạt:

- Giải thích được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới.
- Trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ), sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
- Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí Hoa Kỳ.

Hoa Kỳ khai thác hiệu quả những lợi thế sẵn có cùng với những chiến lược phát triển kinh tế hợp lí đã đưa quốc gia này trở thành nền kinh tế hàng đầu thế giới. Vậy, những thành tựu trong phát triển kinh tế của Hoa Kỳ là gì? Những đặc điểm thể hiện nền kinh tế hàng đầu thế giới của quốc gia này ra sao?

Luyện tập

LUYỆN TẬP

1. Nêu một số ví dụ chứng minh cho biểu hiện của toàn cầu hoá kinh tế và khu vực hoá kinh tế.
2. Vẽ sơ đồ ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.

Vận dụng

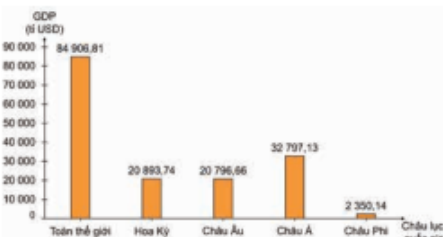
VẬN DỤNG

Hãy tìm hiểu về ảnh hưởng của toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế đến cơ hội tìm kiếm việc làm của giới trẻ hiện nay.

I. NỀN KINH TẾ HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI

Dựa vào hình 18.1, hình 18.2 và thông tin trong bài, hãy chứng minh Hoa Kỳ là quốc gia có nền kinh tế hàng đầu thế giới.

Hoa Kỳ là quốc gia có GDP hàng đầu thế giới với hơn 20 000 tỉ USD và chiếm gần 25% GDP toàn thế giới (năm 2020). GDP bình quân đầu người của Hoa Kỳ năm 2020 là 63 000 USD. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Hoa Kỳ trong những năm gần đây có sự biến động do dịch bệnh và một số nguyên nhân khác. Năm 2015, tốc độ tăng trưởng là 2,7%, năm 2019 là 2,3%, năm 2020 là -3,4%.



Hình 18.1. GDP của Hoa Kỳ so với thế giới và một số châu lục, năm 2020

(Nguồn: WB, 2022)

Hình thành kiến thức mới

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học:

- Dạy học thông báo - mô tả - liệt kê → dạy học phát triển tư duy, sáng tạo.
- Tích cực hóa hoạt động của học sinh.
- Thiết kế Kế hoạch bài dạy.
- Phối hợp các phương pháp dạy học.
- Hướng dẫn học sinh khai thác phương tiện dạy học hiệu quả.
- Ứng dụng công nghệ thông tin.

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Dạy học trực quan

Dạy học theo nhóm

Dạy học giải quyết vấn đề

Ngành dịch vụ trong khu vực Tây Nam Á phát triển, như giao thông vận tải, thương mại, du lịch,... Khu vực Tây Nam Á nằm trên đường hàng hải quan trọng của thế giới, đồng thời là nơi có sản lượng khai thác dầu mỏ lớn nên hoạt động giao thông đường biển nhộn nhịp và phát triển. Một số cảng biển lớn trong khu vực là Re-bi A-li (Jebel Ali), Mi-na en A-ma-di (Mina Al-Ahmadi), Rét-da (Jeddah),... Giao thông đường ống của khu vực cũng được đầu tư và phát triển nhằm phục vụ vận chuyển dầu mỏ và khí tự nhiên. Hoạt động ngoại thương giữ vị trí quan trọng và chiếm khoảng 5,1% tỉ trọng hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu và khoảng 5% tỉ trọng hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu trên thế giới (năm 2020). Hoạt động du lịch ở một số quốc gia được chú trọng phát triển. Hiện nay, Đu-bai (Dubai – Các Tiểu vương quốc A-rập Thống Nhất) được xem là trung tâm thương mại, du lịch hàng đầu khu vực và thế giới.



a) Hoạt động giao thông vận tải tại cảng biển



b) Hoạt động du lịch tại bãi biển Kai

Re-bi A-li (Các Tiểu vương quốc A-rập Thống Nhất) (Kite – Các Tiểu vương quốc A-rập Thống Nhất)

Hình 15.9. Một số hoạt động dịch vụ ở khu vực Tây Nam Á

LUYỆN TẬP

- Hãy lựa chọn và trình bày ảnh hưởng của một điều kiện tự nhiên hoặc tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của khu vực Tây Nam Á (lập bảng thống kê hoặc sơ đồ).
- Xác định các trung tâm công nghiệp của khu vực Tây Nam Á trên hình 15.8. Kể tên các ngành công nghiệp ở ít nhất ba trung tâm công nghiệp.

VẬN DỤNG

Hãy sưu tầm thông tin về một di sản văn hoá thế giới được UNESCO công nhận tại khu vực Tây Nam Á.



Hình 18.4. Phân bố nông nghiệp ở Hoa Kỳ, năm 2020

Các lãnh thổ sản xuất nông nghiệp Hoa Kỳ cũng có sự thay đổi lớn theo hướng đa dạng hoá các loại nông sản nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng và khai thác hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên.

3. Dịch vụ

- Dựa vào thông tin trong bài, hãy:**
- Chứng minh Hoa Kỳ có ngành ngoại thương phát triển.
 - Trình bày tình hình phát triển ngành giao thông vận tải của Hoa Kỳ.

Ngành dịch vụ chiếm hơn 80% GDP Hoa Kỳ (năm 2020), là ngành phát triển mạnh hàng đầu thế giới. Cơ cấu ngành dịch vụ đa dạng, tạo ra doanh thu lớn cho nền kinh tế, nổi bật với các ngành như ngoại thương, tài chính – ngân hàng, du lịch, giao thông vận tải,...

Ngành ngoại thương của Hoa Kỳ phát triển, hàng hoá đa dạng; kim ngạch xuất, nhập khẩu lớn (đạt 4 924,7 tỉ USD, năm 2020). Các sản phẩm xuất khẩu chính là các sản phẩm của

Dạy học theo nhóm

Bài 5

MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC



Yêu cầu cần đạt:

Trình bày được một số tổ chức quốc tế và khu vực: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).



Xu hướng toàn cầu hoá và khu vực hoá đã thúc đẩy các nền kinh tế kết nối lại để cùng nhau tìm giải pháp cho những vấn đề chung. Từ đó dẫn đến sự hình thành và phát triển các tổ chức khu vực và quốc tế với những mục tiêu hoạt động và nhiệm vụ khác nhau. Vậy, có những tổ chức tiêu biểu nào của quốc tế và khu vực? Những tổ chức này có đặc điểm như thế nào?

I. LIÊN HỢP QUỐC



Dựa vào hình 5.1 và thông tin trong bài, hãy trình bày về tổ chức Liên hợp quốc.

Liên hợp quốc (The United Nations - UN) là một tổ chức quốc tế được thành lập vào ngày 24 - 10 - 1945. Năm 2020, UN có 193 quốc gia thành viên, Việt Nam là thành viên chính thức của UN từ năm 1977. Trụ sở của UN đặt tại thành phố Niu Ôc (New York - Hoa Kỳ). UN được thành lập nhằm mục tiêu hàng đầu là duy trì một nền hoà bình và trật tự thế giới bền vững. UN là tổ chức liên chính phủ lớn nhất trên thế giới. Bản thân UN là một bộ phận của hệ thống Liên hợp quốc. UN điều phối công việc cùng các quỹ, chương trình,



Hình 5.1. Hội nghị Thượng đỉnh Giáo dục của Liên hợp quốc ở Hoa Kỳ, năm 2022

Bài 22

NHẬT BẢN

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI NHẬT BẢN



Yêu cầu cần đạt:

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.



Nhật Bản là một quốc đảo đông dân, có cơ cấu dân số già, người dân cần cù, chăm chỉ trong lao động. Vậy, đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư và xã hội có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản?

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ



Dựa vào hình 22.1 và thông tin trong bài, hãy:

- Trình bày những đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí của Nhật Bản.
- Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản.

Nhật Bản là một quốc gia quần đảo nằm trên Thái Bình Dương, ở phía đông của châu Á. Lãnh thổ kéo dài từ khoảng vĩ độ 20°B đến vĩ độ 45°B và từ khoảng kinh độ 123°Đ đến kinh độ 154°Đ. Quần đảo Nhật Bản có hình vòng cung dài khoảng 3 800 km, gồm 4 đảo lớn là Hô-cai-đô (Hokkaido), Hôn-su (Honshu), Xi-cô-cu (Shikoku), Kiu-xiu (Kyushu) và hàng nghìn đảo nhỏ khác. Nhật Bản có diện tích gần 378 000 km².

Lãnh thổ Nhật Bản được bao bọc bởi biển và đại dương, phía đông và phía nam giáp Thái Bình Dương, phía tây giáp biển Nhật Bản, phía bắc giáp biển Ô-khốt. Nhật Bản có vùng đặc quyền kinh tế rộng, đường bờ biển dài khoảng 29 000 km, bị cắt xẻ mạnh nên có nhiều vũng, vịnh kín, thuận lợi xây dựng các cảng biển.

Do lãnh thổ kéo dài trên nhiều vĩ độ nên tự nhiên Nhật Bản phân hoá khá đa dạng. Vị trí giáp biển tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển, giao thương với các nước bằng đường biển. Tuy nhiên, do lãnh thổ là các đảo nên việc đi lại giữa các vùng gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, lãnh thổ Nhật Bản nằm trên vành đai lửa Thái Bình Dương nên thường xuất hiện các hiện tượng núi lửa, động đất và sóng thần, gây ra nhiều thiệt hại về kinh tế,...



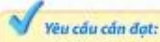
Dạy học giải quyết vấn đề



Ô-XTRÂY-LI-A

Bài
28

THỰC HÀNH: TÌM HIỂU VỀ KINH TẾ Ô-XTRÂY-LI-A



Yêu cầu cần đạt:

- Xác định được sự phân bố kinh tế của Ô-xtrây-li-a trên bản đồ.
- Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác về địa lí Ô-xtrây-li-a.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
- Viết được báo cáo về tình hình phát triển kinh tế của Ô-xtrây-li-a.

I. NỘI DUNG

1. Xác định sự phân bố kinh tế



Hình 28.1. Kinh tế Ô-xtrây-li-a, năm 2020

Bài
6

MỘT SỐ VẤN ĐỀ AN NINH TOÀN CẦU



Yêu cầu cần đạt:

- Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay.
- Khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.



Quá trình toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng, sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đã tác động sâu sắc đến những vấn đề an ninh toàn cầu. Vậy, một số vấn đề an ninh toàn cầu nổi bật hiện nay là gì? Tại sao cần phải bảo vệ nền hoà bình thế giới?

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ AN NINH TOÀN CẦU

An ninh toàn cầu hiện đang là thách thức đặt ra đối với toàn thế giới. Có nhiều quan niệm và cách phân chia khác nhau về vấn đề an ninh toàn cầu. Từ đầu thế kỉ XXI, thuật ngữ an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống được sử dụng phổ biến trong các hội nghị diễn đàn khu vực, quốc tế; hợp tác song phương, đa phương giữa các quốc gia,...



Ô của tri thức

An ninh truyền thống và phi truyền thống ở Việt Nam

– An ninh truyền thống là khái niệm đồng nghĩa với khái niệm an ninh quốc gia, là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.^(*)

– Quan niệm an ninh phi truyền thống không bao hàm an ninh quân sự và bao gồm một số vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh mạng, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố. Đồng thời cũng lưu ý đến khía cạnh chuyển hoá giữa an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống.^(**)

(Nguồn: Trích theo Luật An ninh quốc gia Việt Nam, 2004
(*) Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII, 2016)



Dựa vào thông tin trong bài, hãy lựa chọn và trình bày ít nhất một vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay.

1. An ninh lương thực

An ninh lương thực được hiểu là sự bảo đảm của mỗi quốc gia và thế giới về nguồn cung cấp lương thực cho người dân để hạn chế và đẩy lùi tình trạng thiếu lương thực, nạn đói và tình trạng phụ thuộc vào nguồn lương thực nhập khẩu.

Tình trạng mất an ninh lương thực là vấn đề toàn cầu. Năm 2021, thế giới có khoảng 2,3 tỉ người (chiếm 29,3% số dân thế giới) bị đói, thiếu dinh dưỡng, trong đó Đông Phi, Trung Phi và Nam Á là những khu vực chịu tác động mạnh nhất của nạn đói.

và biển,... Bảo vệ hoà bình trên thế giới giúp tăng trưởng kinh tế, tăng cường các mối quan hệ hợp tác kinh tế, tạo ra sự thịnh vượng chung cho các quốc gia, đem lại cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân loại. Do đó, việc bảo vệ hoà bình là trách nhiệm của mỗi quốc gia và mọi người trên thế giới.

Để bảo vệ hoà bình thế giới, các quốc gia cần tăng cường đối thoại để giải quyết mâu thuẫn, xung đột; loại bỏ vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí huỷ diệt hàng loạt khác; tham gia Lực lượng gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc; phối hợp hành động giữa các quốc gia và tăng cường vai trò của các tổ chức quốc tế. Trong những năm qua, Việt Nam đã tích cực tham gia cùng cộng đồng quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề an ninh toàn cầu và gìn giữ hoà bình thế giới.



LUYỆN TẬP

Dựa vào kiến thức đã học, lựa chọn một vấn đề an ninh toàn cầu và hoàn thành sơ đồ theo mẫu dưới đây vào vở.



VẬN DỤNG

Hãy tìm hiểu về vai trò và một số hoạt động của Liên hợp quốc trong việc gìn giữ hoà bình trên thế giới.

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

IV. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

Hướng dẫn chung:

- Mục tiêu đánh giá.
- Căn cứ đánh giá.
- Tăng cường đánh giá kĩ năng, khả năng vận dụng tri thức vào thực tiễn.
- Đa dạng hóa hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên.

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

IV. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

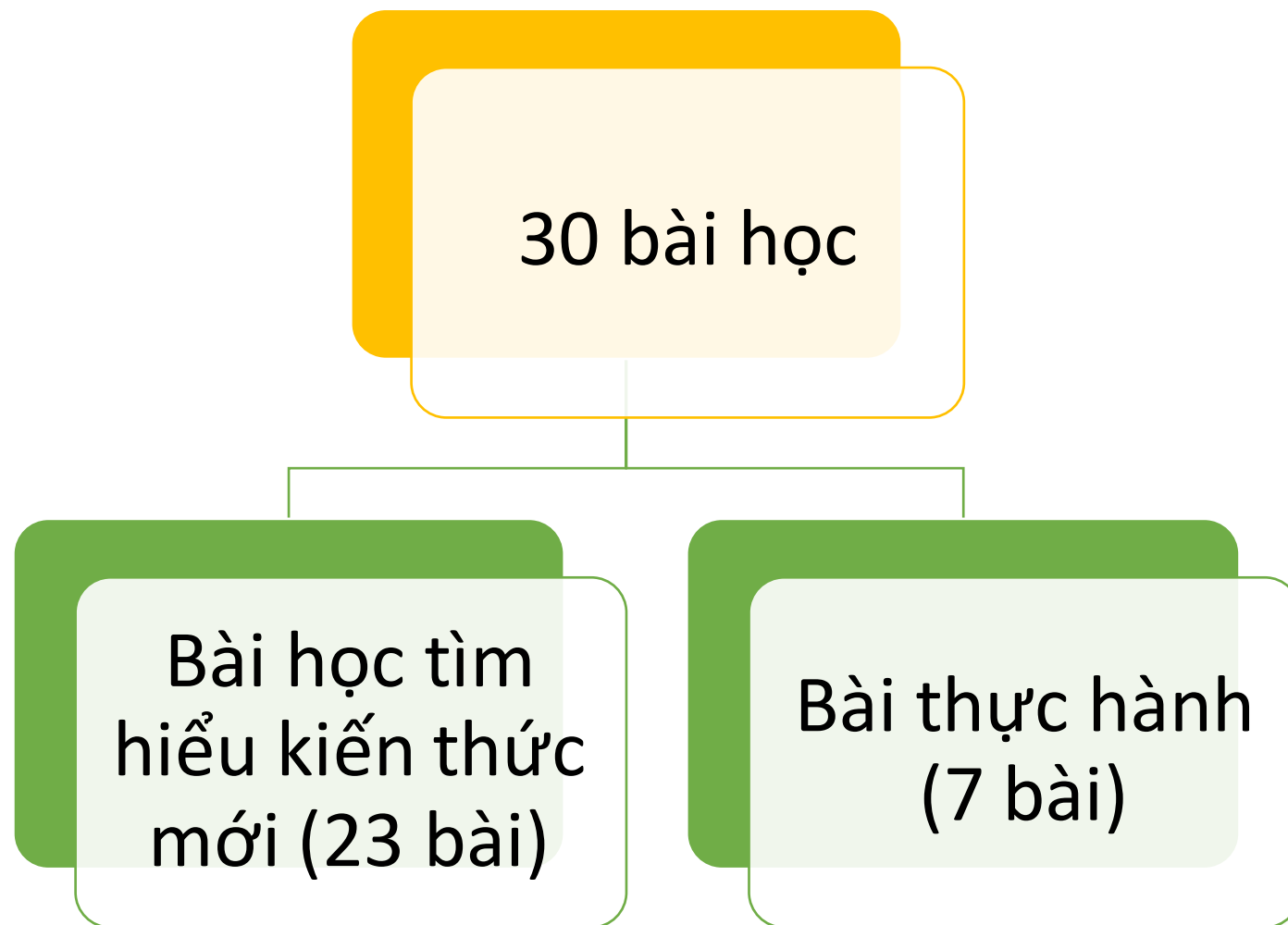
Đánh giá thường xuyên

Đánh giá định kì



Mức độ	MỨC 1 (30 – 50)	MỨC 2 (51 – 80)	MỨC 3 (81 – 100)
Tiêu chí			
Nội dung (60%)	Trả lời chưa đầy đủ, còn nhiều ý sai (18 – 30)	Trả lời đầy đủ, còn ý sai (30,6 – 48)	Trả lời đầy đủ, chính xác (48,6 – 60)
Khả năng làm việc nhóm (20%)	Không có bảng phân công, nhiều thành viên không làm (6 – 10)	Có bảng phân công, vẫn còn thành viên không làm (10,2 – 16)	Có bảng phân công, tất cả thành viên đều làm (16,2 – 20)
Hình thức (10%)	Trình bày không rõ ràng (3 – 5)	Trình bày rõ ràng nhưng chưa đẹp (5,1 – 8)	Rõ ràng, thẩm mỹ (8,1 – 10)
Thời gian (10%)	Quá thời gian quy định 3 – 5 phút (3 – 5)	Vừa đúng thời gian (5,1 – 8)	Sớm hơn thời gian quy định (8,1 – 10)

B. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC MỘT SỐ DẠNG BÀI HỌC



B. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC MỘT SỐ DẠNG BÀI HỌC

1. Dạng bài tìm hiểu kiến thức mới

BÀI 12. TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI VÀ KINH TẾ ĐÔNG NAM Á

(Thời gian thực hiện dự kiến: 4 tiết)

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Bài
12

TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI VÀ KINH TẾ ĐÔNG NAM Á

Yêu cầu cần đạt:

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội.
- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

Đông Nam Á là khu vực có thiên nhiên đa dạng, dân số đông, nguồn lao động dồi dào. Các quốc gia trong khu vực có những nét tương đồng và khác biệt về tự nhiên, văn hoá,... Đây còn là khu vực có nền kinh tế năng động. Vậy, những đặc điểm này ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội của khu vực? Tình hình phát triển kinh tế của khu vực hiện nay ra sao?

I. LÃNH THỔ VÀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

Dựa vào hình 12.1 và thông tin trong bài, hãy:

- Trình bày đặc điểm về phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích ảnh hưởng của phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí đến sự phát triển kinh tế – xã hội của khu vực.

Khu vực Đông Nam Á gồm 11 quốc gia nằm ở phía đông nam của châu Á, có diện tích khoảng 4,5 triệu km². Đông Nam Á được chia thành hai khu vực địa lí: Đông Nam Á lục địa (gồm các quốc gia Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma, Thái Lan, Việt Nam) và Đông Nam Á hải đảo (gồm các quốc gia Bru-nây, Đông Ti-mo, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po). Ngoài phần đất liền và hải đảo, khu vực Đông Nam Á còn có một vùng biển rộng lớn thuộc các biển như Biển Đông, biển Xu-lá-vê-di (Sulawesi), biển Ban-đa (Banda), biển Ti-mo (Timor), biển Gia-vá (Java),...

Hầu hết lãnh thổ Đông Nam Á nằm trong khu vực nội chí tuyến của hai bán cầu (phần lãnh thổ đất liền và hải đảo kéo dài từ khoảng vĩ độ 28°B đến khoảng vĩ độ 10°N); nằm trong khu vực khí hậu gió mùa châu Á; là cầu nối giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giữa lục địa Á – Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a. Đông Nam Á còn là nơi có các tuyến đường biển quốc tế quan trọng đi qua và là nơi giao thoa của các nền văn hoá lớn trên thế giới.

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Tạo tình huống học tập, kết nối kiến thức HS đã biết (hoặc muốn biết) về địa lí khu vực Đông Nam Á.

b) Nội dung

HS vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi về địa lí khu vực Đông Nam Á.

c) Sản phẩm

Nội dung trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: GV có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án sau để dẫn dắt HS vào bài học:

+ Phương án 1: GV sử dụng đoạn dẫn nhập trong SGK.

+ Phương án 2: GV sử dụng ngữ liệu từ bài 12 SGK và kết hợp kĩ thuật “động não” để HS nêu những điều đã biết về khu vực Đông Nam Á.

+ Phương án 3: sau khi giới thiệu tên bài học, yêu cầu cần đạt của bài học, GV chia lớp thành các nhóm, phát phiếu học tập số 1 và yêu cầu các nhóm HS chọn một đơn vị kiến thức các em quan tâm, hoàn thành thông tin vào cột K và W về khu vực Đông Nam Á.

NỘI DUNG SGK

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Bài
12

TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI VÀ KINH TẾ ĐÔNG NAM Á

Yêu cầu cần đạt:

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội.
- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

Đông Nam Á là khu vực có thiên nhiên đa dạng, dân số đông, nguồn lao động dồi dào. Các quốc gia trong khu vực có những nét tương đồng và khác biệt về tự nhiên, văn hoá,... Đây còn là khu vực có nền kinh tế năng động. Vậy, những đặc điểm này ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội của khu vực? Tình hình phát triển kinh tế của khu vực hiện nay ra sao?

I. LÃNH THỔ VÀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

Dựa vào hình 12.1 và thông tin trong bài, hãy:

- Trình bày đặc điểm về phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích ảnh hưởng của phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí đến sự phát triển kinh tế – xã hội của khu vực.

Khu vực Đông Nam Á gồm 11 quốc gia nằm ở phía đông nam của châu Á, có diện tích khoảng 4,5 triệu km². Đông Nam Á được chia thành hai khu vực địa lí: Đông Nam Á lục địa (gồm các quốc gia Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma, Thái Lan, Việt Nam) và Đông Nam Á hải đảo (gồm các quốc gia Bru-nây, Đông Ti-mo, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po). Ngoài phần đất liền và hải đảo, khu vực Đông Nam Á còn có một vùng biển rộng lớn thuộc các biển như Biển Đông, biển Xu-la-vê-di (Sulawesi), biển Ban-đa (Banda), biển Ti-mo (Timor), biển Gia-và (Java),...

Hầu hết lãnh thổ Đông Nam Á nằm trong khu vực nội chí tuyến của hai bán cầu (phần lãnh thổ đất liền và hải đảo kéo dài từ khoảng vĩ độ 28°B đến khoảng vĩ độ 10°N); nằm trong khu vực khí hậu mùa châu Á; là cầu nối giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giữa lục địa Á – Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a. Đông Nam Á còn là nơi có các tuyến đường biển quốc tế quan trọng đi qua và là nơi giao thoa của các nền văn hoá lớn trên thế giới.

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:
 - + Phương án 1 và 2: HS suy nghĩ.
 - + Phương án 3: HS suy nghĩ độc lập, ghi nội dung thông tin đã biết và muốn biết về khu vực Đông Nam Á. Các thành viên trong nhóm thảo luận, thống nhất về một số nội dung ghi vào cột K và W.
- Bước 3: HS trả lời, trình bày kết quả:
 - + Phương án 1 và 2: HS phát biểu ý kiến.
 - + Phương án 3: đại diện các nhóm trình bày.
- Bước 4: GV nhận xét, dẫn nhập vào nội dung bài mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về lãnh thổ và vị trí địa lí

a) Mục tiêu

HS phân tích được ảnh hưởng của phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí đến sự phát triển kinh tế – xã hội của khu vực Đông Nam Á.

b) Nội dung

HS dựa vào hình 12.1 và thông tin trong bài, hãy:

- Trình bày đặc điểm về phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích ảnh hưởng của phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí đến sự phát triển kinh tế – xã hội của khu vực.

NỘI DUNG SGK

Đặc điểm về phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lý góp phần tạo nên sự đa dạng về địa hình, khí hậu, hệ động, thực vật, khoáng sản...; tạo điều kiện thuận lợi để hầu hết các nước trong khu vực phát triển các ngành kinh tế biển. Vị trí địa lý cũng góp phần tạo nên sự năng động về kinh tế, sự đa dạng về văn hoá, xã hội của khu vực. Tuy nhiên, Đông Nam Á cũng là khu vực chịu nhiều thiên tai và là nơi cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc trên thế giới.



Hình 12.1. Tự nhiên khu vực Đông Nam Á

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN



Dựa vào các hình 12.1, 12.2 và thông tin trong bài, hãy:

- Trình bày đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á.

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

c) Sản phẩm

Nội dung trình bày của cặp đôi.

d) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi kết hợp kĩ thuật “chia sẻ nhóm đôi” và thực hiện nhiệm vụ ở mục b.
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:
 - + HS suy nghĩ, ghi chép câu trả lời ra giấy.
 - + HS trao đổi, thảo luận cùng nhau và thống nhất nội dung.
- Bước 3: GV gọi ngẫu nhiên 2 cặp đôi lên trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: GV nhận xét, góp ý và tổng kết nội dung.

2.2. Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

a) Mục tiêu

HS phân tích được ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á.

b) Nội dung

HS dựa vào hình 12.1, hình 12.2 và thông tin trong bài, hãy:

- Trình bày đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á.

NỘI DUNG SGK

1. Địa hình và đất đai

Đông Nam Á có địa hình đa dạng, như đồi núi, đồng bằng, bờ biển,...

– Địa hình đồi núi có sự khác nhau giữa khu vực Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo. Địa hình khu vực Đông Nam Á lục địa bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi cao theo hướng tây bắc – đông nam hoặc hướng bắc – nam, tiêu biểu như dãy Trường Sơn, dãy A-ra-can (Arakan),... Xen kẽ các dãy núi là các cao nguyên, như cao nguyên Sơn (Shan), cao nguyên Xiêng Khoảng,... Khu vực Đông Nam Á hải đảo gồm nhiều quần đảo, hàng vạn đảo lớn nhỏ, nhiều đảo có núi lửa đang hoạt động. Các đảo có diện tích lớn trong khu vực là đảo Ca-li-man-tan (Kalimantan), đảo Xu-ma-tra (Sumatra), đảo Niu Ghi-nê (New Guinea),... Một số dãy núi lớn trong khu vực là dãy Ba-ri-xan (Barisan), dãy Pe-nam-pô (Penambo),...



Hình 12.2. Thác nước, núi lửa và cảnh quan rừng nhiệt đới trên đảo Gia-va (In-đô-nê-xi-a)

– Địa hình đồng bằng gồm các đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển. Các đồng bằng châu thổ có diện tích lớn như đồng bằng sông Mê Công, đồng bằng sông Mê Nam,...

– Địa hình bờ biển khá đa dạng với nhiều vịnh, cồn cát, đầm lầy, bãi biển,...

Khu vực Đông Nam Á có hai nhóm đất chính: đất feralit phân bố ở khu vực đồi núi và đất phù sa phân bố ở khu vực đồng bằng.

Khu vực đồi núi với đất feralit thuận lợi trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, phát triển lâm nghiệp, du lịch,... Tuy nhiên, đặc điểm địa hình gây khó khăn cho phát triển giao thông, định cư. Trong quá trình canh tác cần lưu ý vấn đề xói mòn, sạt lở đất. Khu vực đồng bằng với đất phù sa màu mỡ, có nhiều điều kiện để phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa nước. Đây cũng là nơi thuận lợi để định cư, tiến hành các hoạt động công nghiệp, dịch vụ. Do khu vực đồng bằng có địa hình thấp nên dễ bị ngập lụt, xâm nhập mặn.

2. Khí hậu

Khí hậu Đông Nam Á phân hoá đa dạng với nhiều đới và kiểu khí hậu khác nhau. Phần lớn Đông Nam Á lục địa và phần lớn lãnh thổ Phi-líp-pin (Philippines) có khí hậu nhiệt đới với kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa. Trong năm có hai mùa rõ rệt: mùa đông lạnh và khô; mùa hạ nóng, ẩm, mưa nhiều. Khu vực Đông Nam Á hải đảo có đới khí hậu xích đạo và cận xích đạo. Ngoài ra, khí hậu còn phân hoá ở khu vực địa hình núi cao như sự phân hoá khí hậu ở vùng núi cao phía bắc Việt Nam, Lào, Mi-an-ma (Myanmar).

c) Sản phẩm

Kết quả thảo luận của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm (nhóm tối ưu 4 HS). Mỗi nhóm thực hiện một trong các hợp phần của tự nhiên: địa hình và đất đai; khí hậu; sông, hồ; sinh vật; khoáng sản; biển. Trong mỗi hợp phần tự nhiên, mỗi nhóm trình bày được đặc điểm và ảnh hưởng của hợp phần đó đến phát triển kinh tế – xã hội của Đông Nam Á (các nhóm thực hiện nhiệm vụ ở mục b). GV sử dụng phương pháp dạy học theo nhóm, kĩ thuật “khăn trải bàn” để HS thảo luận và trình bày kết quả.

– Bước 2: các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

– Bước 3: trong mỗi hợp phần tự nhiên, GV gọi ngẫu nhiên một nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 4: GV đặt câu hỏi cho các nhóm (nếu có), nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện tốt và tổng kết nội dung.

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

NỘI DUNG SGK

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

1. Dân cư



Dựa vào bảng 12.1, các hình 12.3, 12.4 và thông tin trong bài, hãy:

- Trình bày đặc điểm dân cư của khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích tác động của đặc điểm dân cư đến phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á.

Năm 2020, số dân của khu vực là 668,4 triệu người, chiếm 8,6% số dân thế giới. Tỷ lệ gia tăng dân số có xu hướng giảm nhưng số dân vẫn không ngừng gia tăng.

Bảng 12.1. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của khu vực Đông Nam Á, năm 2000 và 2020

(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi \ Năm	Từ 0 đến 14 tuổi	Từ 15 đến 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
2000	31,8	63,3	4,9
2020	25,2	67,7	7,1

(Nguồn: WB, 2022)

Với quy mô dân số lớn, Đông Nam Á có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ hàng hóa rộng lớn. Về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi, khu vực Đông Nam Á có cơ cấu dân số trẻ nhưng đang có xu hướng già hóa, tỷ lệ người trên độ tuổi lao động tăng nhanh. Cơ cấu dân số này mang đến cơ hội trong việc sử dụng nguồn lao động, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, chất lượng dân số nhưng cũng đặt ra những thách thức về vấn đề giải quyết việc làm, an sinh xã hội, chăm sóc y tế,...

Đông Nam Á có mật độ dân số cao so với mức trung bình của thế giới. Năm 2020, mật độ dân số trung bình của khu vực là 148 người/km². Nước có mật độ dân số cao nhất là Xin-ga-po (8 019 người/km²), thấp nhất là Lào (32 người/km²). Dân cư tập trung đông ở nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi như đồng bằng châu thổ và vùng ven biển, thưa thớt ở các khu vực đồi núi. Sự phân bố dân cư chưa hợp lý gây ảnh hưởng đến việc sử dụng lao động và khai thác các nguồn tài nguyên.



Hình 12.3. Số dân và tỷ lệ gia tăng dân số khu vực Đông Nam Á, giai đoạn 1970 – 2020

(Nguồn: WB, 2022)

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

2.3. Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về dân cư

a) Mục tiêu

HS phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư tới phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á.

b) Nội dung

HS dựa vào bảng 12.1, hình 12.3, hình 12.4 và thông tin trong bài, hãy:

- Trình bày đặc điểm dân cư của khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích tác động của đặc điểm dân cư đến phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á.

c) Sản phẩm

Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ ở mục b. GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, phương pháp dạy học trực quan.
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 3: GV gọi một số HS trả lời, các HS còn lại nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: GV nhận xét, góp ý và tổng kết nội dung.

NỘI DUNG SGK

Đông Nam Á là khu vực có nhiều dân tộc sinh sống. Sự đa dạng về thành phần dân tộc góp phần tạo nên sự đa dạng về văn hoá, truyền thống.



Hình 12.4. Phân bố dân cư và một số đô thị ở khu vực Đông Nam Á, năm 2020

Tỉ lệ dân thành thị ở khu vực Đông Nam Á không ngừng gia tăng, từ 21,4% (năm 1970) lên 49% (năm 2020). Sự tập trung dân cư vào các thành phố lớn đã hình thành nên các siêu đô thị như Ma-ni-la (Manila – Phi-líp-pin), Gia-các-ta (Jakarta – In-đô-nê-xi-a), Băng Cốc (Thái Lan),... Sự gia tăng dân số tại các đô thị cũng đặt ra nhiều vấn đề về giao thông, nhà ở, việc làm, môi trường,... cho các nước trong khu vực.

2. Xã hội

Dựa vào thông tin trong bài, hãy:

- Cho biết đặc điểm xã hội của khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích những ảnh hưởng của đặc điểm xã hội đến sự hợp tác, phát triển kinh tế – xã hội trong khu vực.

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

2.4. Hoạt động 2.4: Tìm hiểu về xã hội

a) Mục tiêu

HS phân tích được tác động của các đặc điểm xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á.

b) Nội dung

HS dựa vào thông tin trong bài, hãy:

- Cho biết đặc điểm xã hội của khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích những ảnh hưởng của đặc điểm xã hội đến sự hợp tác, phát triển kinh tế – xã hội trong khu vực.

c) Sản phẩm

Câu trả lời của nhóm HS.

d) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: giao nhiệm vụ:

+ GV tổ chức cho HS làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ ở mục b. GV sử dụng phương pháp trò chơi “Hiểu ý đồng đội”.

+ GV tổ chức phân nhóm, mỗi nhóm cử 1 đại diện lên bốc thăm nội dung chứa các từ khoá, 1 đại diện thực hiện giám sát chéo và chấm điểm nhóm bạn.

NỘI DUNG SGK

Đông Nam Á là khu vực có nhiều dân tộc sinh sống. Sự đa dạng về thành phần dân tộc góp phần tạo nên sự đa dạng về văn hoá, truyền thống.



Hình 12.4. Phân bố dân cư và một số đô thị ở khu vực Đông Nam Á, năm 2020

Tỉ lệ dân thành thị ở khu vực Đông Nam Á không ngừng gia tăng, từ 21,4% (năm 1970) lên 49% (năm 2020). Sự tập trung dân cư vào các thành phố lớn đã hình thành nên các siêu đô thị như Ma-ni-la (Manila – Phi-líp-pin), Gia-các-ta (Jakarta – In-đô-nê-xi-a), Băng Cốc (Thái Lan).... Sự gia tăng dân số tại các đô thị cũng đặt ra nhiều vấn đề về giao thông, nhà ở, việc làm, môi trường.... cho các nước trong khu vực.

2. Xã hội



Dựa vào thông tin trong bài, hãy:

– Cho biết đặc điểm xã hội của khu vực Đông Nam Á.

– Phân tích những ảnh hưởng của đặc điểm xã hội đến sự hợp tác, phát triển kinh tế – xã hội trong khu vực.

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

- Nội dung 1: lâu đời, bảo tồn, chất lượng cuộc sống, y tế, phong tục, hợp tác.
 - Nội dung 2: đa dạng, giao thoa, du lịch, biết chữ, đầu tư, độc lập.
- Bước 2: các nhóm thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 3: GV gọi đại diện HS mỗi nhóm tham gia trò chơi:
- + Đại diện mỗi nhóm dùng lời để diễn tả từ khoá cho đồng đội của mình. Các thành viên khác trong nhóm trả lời. Lưu ý: không được lặp từ, không sử dụng tiếng Anh để diễn tả.
- + Giám sát viên tổng kết điểm các nhóm.
- Bước 4: GV nhận xét, góp ý và tổng kết nội dung.

NỘI DUNG SGK

Đông Nam Á có lịch sử phát triển lâu đời, là nơi giao thoa của các nền văn hoá trên thế giới. Sự đa dạng về văn hoá thuận lợi để phát triển du lịch, song cũng đặt ra vấn đề về bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống.

Chất lượng cuộc sống của người dân trong khu vực ngày càng được cải thiện. Một số quốc gia có HDI và GNI/người cao như Xin-ga-po, Bru-nây, Ma-lai-xi-a... Tỷ lệ người biết chữ và số năm đi học so với một số khu vực khác trên thế giới đã được cải thiện. Năm 2021, số năm đi học của người dân từ 25 tuổi trở lên trong khu vực là 8,1 năm, cao nhất là Xin-ga-po (11,9 năm). Ngành y tế của khu vực đang được chú trọng và phát triển. Những đặc điểm xã hội này là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế – xã hội và thu hút đầu tư, tuy nhiên, đòi hỏi các quốc gia cần nỗ lực để giảm khoảng cách trong phát triển kinh tế – xã hội.

Các nước trong khu vực có nhiều nét tương đồng về lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc, phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hoá,... Điều này tạo thuận lợi để các quốc gia hợp tác cùng phát triển.

IV. KINH TẾ

1. Tình hình phát triển kinh tế chung



Dựa vào các bảng 12.2, 12.3, các hình 12.5, 12.6 và thông tin trong bài, hãy trình bày và giải thích tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Đông Nam Á.

Đa số các nước Đông Nam Á trước đây chủ yếu phát triển nông nghiệp. Quá trình công nghiệp hoá đã làm nền kinh tế của các nước có sự phân hoá, một số nước có nền kinh tế phát triển nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh mẽ. Hiện nay, Đông Nam Á cũng là một trong những khu vực có nền kinh tế sôi động trên thế giới.

a) Quy mô GDP

Tổng sản phẩm trong nước (theo giá hiện hành) của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á có xu hướng gia tăng trong giai đoạn 2000 – 2020 (tổng giá trị GDP năm 2020 tăng gấp 5 lần so với năm 2000). Do sự khác nhau về nguồn lực và trình độ phát triển nên giữa các nước trong khu vực có sự chênh lệch lớn về quy mô nền kinh tế.

Bảng 12.2. GDP (theo giá hiện hành) của khu vực Đông Nam Á so với thế giới, giai đoạn 2000 – 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Vùng lãnh thổ \ Năm	2000	2010	2020
Thế giới	33 830,8	66 596,0	84 906,8
Đông Nam Á	614,7	2 017,3	3 083,3

(Nguồn: WB, 2022)

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

2.5. Hoạt động 2.5: Tìm hiểu về tình hình phát triển kinh tế chung

a) Mục tiêu

HS trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Đông Nam Á.

b) Nội dung

HS dựa vào các bảng 12.2, 12.3, các hình 12.5, 12.6 và thông tin trong bài, hãy trình bày và giải thích tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Đông Nam Á.

c) Sản phẩm

Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ ở mục b. GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, phương pháp dạy học trực quan.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.

– Bước 3: GV gọi một số HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét, góp ý và tổng kết nội dung.

2.6. Hoạt động 2.6: Tìm hiểu về các ngành kinh tế

a) Mục tiêu

HS trình bày và giải thích được sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.

NỘI DUNG SGK

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

a) Công nghiệp

Khu vực Đông Nam Á có nhiều điều kiện để phát triển ngành công nghiệp như vị trí nằm trên đường hàng hải quốc tế, nguồn tài nguyên và nguyên liệu tại chỗ phong phú, nguồn lao động dồi dào,... Sự phát triển ngành công nghiệp góp phần thúc đẩy sự chuyển dịch kinh tế; cung cấp nguồn hàng xuất khẩu nhằm thu ngoại tệ của một số nước; giải quyết việc làm cho người lao động,...

Trong cơ cấu kinh tế của khu vực, ngành công nghiệp chiếm tỉ trọng khá cao. Tuy nhiên, nền công nghiệp của nhiều quốc gia vẫn còn phụ thuộc bên ngoài về vốn, quy trình công nghệ,...

Một số trung tâm công nghiệp tiêu biểu trong khu vực là Băng Cốc (Thái Lan), Cu-a-la Lăm-pơ (Ma-lai-xi-a), Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a), Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam).

b) Nông nghiệp

Nền nông nghiệp Đông Nam Á là nền nông nghiệp nhiệt đới với lịch sử phát triển lâu đời. Nơi đây có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển ngành nông nghiệp như sự đa dạng về các dạng địa hình, khí hậu; đất đai màu mỡ; diện tích mặt nước lớn; nguồn lao động dồi dào;... Ngành nông nghiệp phát triển góp phần khai thác các lợi thế sẵn có của khu vực; đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm; cung cấp nguồn nguyên liệu cho các ngành công nghiệp; tạo nguồn thu ngoại tệ; giải quyết việc làm và sinh kế cho người dân; đảm bảo sự cân bằng sinh thái và môi trường trong khu vực;...

Nông nghiệp trong khu vực đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá với trình độ thâm canh và chuyên môn hoá ngày càng cao. Việc ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nông nghiệp cũng được đẩy mạnh. Hoạt động sản xuất nông nghiệp hướng đến sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Dịch vụ

Khu vực Đông Nam Á có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển một số ngành dịch vụ. Sự phát triển ngành dịch vụ góp phần thúc đẩy phát triển và phân bố các ngành kinh tế khác, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, hội nhập kinh tế thế giới,...

Ngành dịch vụ trong khu vực có cơ cấu đa dạng, không ngừng phát triển, hệ thống cơ sở hạ tầng – vật chất kĩ thuật từng bước được mở rộng, nâng cấp và hiện đại hoá. Tỉ trọng GDP của khu vực dịch vụ trong cơ cấu kinh tế có xu hướng tăng. Trong giai đoạn 2010 – 2020, khu vực dịch vụ đã tăng tỉ trọng từ 47,2% lên 49,7%. Trong tương lai, ngành dịch vụ của khu vực tiếp tục mở rộng quy mô, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ. Một số thành phố đang dần khẳng định vai trò là trung tâm dịch vụ hàng đầu của khu vực và thế giới như Xin-ga-po, Cu-a-la Lăm-pơ (Kuala Lumpur), Băng Cốc,...

c) Sản phẩm

Phiếu học tập số 2 của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: GV tổ chức lớp thành các nhóm (nhóm tối ưu từ 4 đến 6 HS) để thực hiện nhiệm vụ ở mục b. GV sử dụng phương pháp dạy học theo nhóm, kĩ thuật “giao nhiệm vụ” để phân công công việc cho các nhóm thảo luận theo nội dung trong phiếu học tập 2.

Phiếu học tập số 2			
Nhóm:.....			
Tìm hiểu về ngành: Công nghiệp ☐ Nông nghiệp ☐ Dịch vụ ☐			
Dựa vào hình 12.7, hình 12.8 và thông tin trong bài, hãy hoàn thành thông tin về một trong các ngành kinh tế ở bảng sau:			
Ngành	Điều kiện phát triển	Các phân ngành nổi bật	Phân bố
Công nghiệp			
Nông nghiệp			
Dịch vụ			

– Bước 2: các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

– Bước 3: đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 4: GV đặt câu hỏi cho các nhóm (nếu có), nhận xét, tuyên dương nhóm thực hiện tốt và tổng kết nội dung.

NỘI DUNG SGK

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

LUYỆN TẬP

1. Hãy hoàn thành thông tin về ảnh hưởng của một số nhân tố tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á theo bảng sau vào vở.

Nhân tố	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế – xã hội
Địa hình, đất đai	?	?
Khí hậu	?	?
Sông ngòi	?	?

2. Dựa vào bảng 12.3, hãy vẽ biểu đồ thể hiện tình hình tăng trưởng GDP của khu vực Đông Nam Á so với toàn thế giới, giai đoạn 2000 – 2020. Giải thích xu hướng biến động của tăng trưởng kinh tế trong khu vực ở giai đoạn này.

VẬN DỤNG

Thu thập thông tin để chứng minh rằng giữa Việt Nam với các nước trong khu vực Đông Nam Á có sự tương đồng về văn hoá.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu

Củng cố kiến thức bài học.

b) Nội dung

HS thực hiện các nhiệm vụ sau:

Câu 1. Hãy hoàn thành thông tin về ảnh hưởng của một số nhân tố tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á theo bảng sau (phần Luyện tập SGK trang 65).

Câu 2. Dựa vào bảng 12.3, hãy vẽ biểu đồ thể hiện tình hình tăng trưởng GDP của khu vực Đông Nam Á so với toàn thế giới, giai đoạn 2000 – 2020. Giải thích xu hướng biến động của tăng trưởng kinh tế trong khu vực ở giai đoạn này (phần Luyện tập SGK trang 65).

Câu 3. Khoanh tròn chữ cái ứng với ý đúng.

1. Ý nào dưới đây *không* thể hiện đặc điểm về phạm vi lãnh thổ khu vực Đông Nam Á?

- A. Khu vực Đông Nam Á gồm Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.
- B. Khu vực Đông Nam Á có một vùng biển rộng lớn.
- C. Khu vực Đông Nam Á có diện tích khoảng 4,5 triệu km².
- D. Khu vực Đông Nam Á là cầu nối giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

2. Các quốc gia có diện tích rừng hàng đầu khu vực Đông Nam Á là

- A. Mi-an-ma và Đông Ti-mo.
- B. Việt Nam và Xin-ga-po.
- C. Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po.
- D. In-đô-nê-xi-a và Mi-an-ma.

NỘI DUNG SGK



LUYỆN TẬP

1. Hãy hoàn thành thông tin về ảnh hưởng của một số nhân tố tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á theo bảng sau vào vở.

Nhân tố	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế – xã hội
Địa hình, đất đai	?	?
Khí hậu	?	?
Sông ngòi	?	?

2. Dựa vào bảng 12.3, hãy vẽ biểu đồ thể hiện tình hình tăng trưởng GDP của khu vực Đông Nam Á so với toàn thế giới, giai đoạn 2000 – 2020. Giải thích xu hướng biến động của tăng trưởng kinh tế trong khu vực ở giai đoạn này.



VẬN DỤNG

Thu thập thông tin để chứng minh rằng giữa Việt Nam với các nước trong khu vực Đông Nam Á có sự tương đồng về văn hoá.

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

3. Xin-ga-po có lợi thế nổi bật để phát triển ngành kinh tế biển nào dưới đây?
- A. Nuôi trồng và đánh bắt thuỷ sản. B. Giao thông vận tải biển.
C. Khai thác khoáng sản. D. Du lịch biển.
4. Với cơ cấu dân số trẻ, khu vực Đông Nam Á có
- A. thị trường tiêu thụ hàng hoá rộng lớn. B. sự đa dạng về văn hoá.
C. nguồn lao động dồi dào. D. tỉ lệ dân thành thị cao.
5. Ý nào dưới đây *không* đúng khi nói về đặc điểm kinh tế khu vực Đông Nam Á?
- A. Đường ô tô đóng vai trò quan trọng hàng đầu giúp kết nối khu vực với thế giới.
B. Đông Nam Á có nền nông nghiệp nhiệt đới với lịch sử phát triển lâu đời.
C. Đa số các nước Đông Nam Á trước đây chủ yếu phát triển nông nghiệp.
D. Trong giai đoạn 2010 –2020, khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng tỉ trọng.
- Câu 4.** Hãy hoàn thành thông tin vào cột L trong phiếu học tập số 1.

Phiếu học tập		
K	W	L
(Những điều đã biết)	(Những điều muốn biết)	(Những điều đã học được sau bài học)
?	?	?

NỘI DUNG SGK

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

LUYỆN TẬP

1. Hãy hoàn thành thông tin về ảnh hưởng của một số nhân tố tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội khu vực Đông Nam Á theo bảng sau vào vở.

Nhân tố	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế – xã hội
Địa hình, đất đai	?	?
Khí hậu	?	?
Sông ngòi	?	?

2. Dựa vào bảng 12.3, hãy vẽ biểu đồ thể hiện tình hình tăng trưởng GDP của khu vực Đông Nam Á so với toàn thế giới, giai đoạn 2000 – 2020. Giải thích xu hướng biến động của tăng trưởng kinh tế trong khu vực ở giai đoạn này.

VẬN DỤNG

Thu thập thông tin để chứng minh rằng giữa Việt Nam với các nước trong khu vực Đông Nam Á có sự tương đồng về văn hoá.

c) Sản phẩm

Nội dung trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ ở mục b. Trong đó, HS hoạt động cá nhân đối với câu 1, 2, 3, hoạt động nhóm đối với câu 4.
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Bước 3: GV gọi một số HS lên trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: GV nhận xét, góp ý và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

Liên hệ kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung

HS thu thập thông tin để chứng minh rằng giữa Việt Nam với các nước trong khu vực Đông Nam Á có sự tương đồng về văn hoá (phần Vận dụng SGK trang 65).

c) Sản phẩm

Nội dung trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ. HS thực hiện nhiệm vụ được giao ở mục b (ngoài giờ học).
- Bước 2: HS tìm hiểu và chuẩn bị bài làm của mình.
- Bước 3: GV gọi đại diện HS lên trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: GV đánh giá, nhận xét sản phẩm của HS.

B. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC MỘT SỐ DẠNG BÀI HỌC

2. Dạng bài thực hành

BÀI 28. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU VỀ KINH TẾ Ô-XTRÂY-LI-A **(Thời gian thực hiện dự kiến: 3 tiết)**

NỘI DUNG SGK

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

Ô-XTRÂY-LI-A

Bài
28

THỰC HÀNH: TÌM HIỂU VỀ KINH TẾ Ô-XTRÂY-LI-A

Yêu cầu cần đạt:

- Xác định được sự phân bố kinh tế của Ô-xtrây-li-a trên bản đồ.
- Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác về địa lí Ô-xtrây-li-a.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
- Viết được báo cáo về tình hình phát triển kinh tế của Ô-xtrây-li-a.

I. NỘI DUNG

1. Xác định sự phân bố kinh tế



Hình 28.1. Kinh tế Ô-xtrây-li-a, năm 2020

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Tạo tình huống học tập, kết nối kiến thức HS đã biết (hoặc muốn biết) về Ô-xtrây-li-a.

b) Nội dung

GV cho HS xem video giới thiệu về Ô-xtrây-li-a, HS dựa vào kiến thức đã học và sự hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi: Em có ấn tượng nhất về điều gì của Ô-xtrây-li-a? Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp.

c) Sản phẩm

Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV sử dụng phương pháp dạy học trực quan, cho HS xem đoạn phim ngắn “Giới thiệu về nước Úc” và giao nhiệm vụ cho HS thực hiện nhiệm vụ ở mục b. (link đoạn phim ngắn: <https://www.youtube.com/watch?v=HULBhV4XyT0>).
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Bước 3: GV gọi một số HS trả lời.
- Bước 4: GV nhận xét, góp ý, dẫn nhập vào bài học.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu

- Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác về địa lí Ô-xtrây-li-a.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
- Viết được báo cáo về tình hình phát triển kinh tế của Ô-xtrây-li-a.

NỘI DUNG SGK

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)



Dựa vào hình 28.1, hãy:

- Xác định sự phân bố một số sản phẩm ngành trồng trọt (lúa mì, nho, cây ăn quả,...), ngành chăn nuôi (bò, cừu), ngành đánh bắt hải sản của Ô-xtrây-li-a.
- Xác định sự phân bố một số trung tâm công nghiệp, một số ngành công nghiệp (công nghiệp khai thác, điện tử – tin học, hoá chất, hoá dầu, thực phẩm,...) của Ô-xtrây-li-a.
- Kể tên một số sân bay, cảng biển, đường giao thông, điểm du lịch của Ô-xtrây-li-a.

2. VIẾT BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ



Viết báo cáo trình bày tình hình phát triển kinh tế của Ô-xtrây-li-a.

Gợi ý nội dung báo cáo:

- Điều kiện phát triển kinh tế
- Quy mô nền kinh tế:
 - + Quy mô GDP của Ô-xtrây-li-a
 - + Vị trí nền kinh tế của Ô-xtrây-li-a trong châu Đại Dương và trên thế giới
- Tăng trưởng kinh tế: nhận xét tốc độ tăng GDP của Ô-xtrây-li-a qua các năm
- Cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:
 - + Xác định cơ cấu kinh tế của Ô-xtrây-li-a
 - + Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Ô-xtrây-li-a
- Tình hình phát triển các ngành kinh tế:
 - + Công nghiệp
 - + Nông nghiệp
 - + Dịch vụ

Lưu ý: trong từng ngành cần trình bày được các nội dung như cơ cấu GDP của ngành, một số ngành hoặc sản phẩm nổi bật, sự phân bố,...

II. CHUẨN BỊ

- Máy tính, bút, thước kẻ,...
- Thu thập tư liệu từ internet, sách, báo, tạp chí,... để tìm hiểu thông tin về tình hình phát triển kinh tế của Ô-xtrây-li-a.
- So sánh, chọn lọc tư liệu thu thập được từ các nguồn khác nhau nhằm phục vụ nội dung báo cáo.
- Xây dựng đề cương báo cáo.

149

b) Nội dung

HS dựa vào hình 28.1, hình 28.2, bảng 28, thông tin tham khảo và các nguồn tư liệu thu thập khác để viết báo cáo trình bày tình hình phát triển kinh tế của Ô-xtrây-li-a.

c) Sản phẩm

Bài báo cáo của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm (mỗi nhóm từ 6 đến 8 HS) kết hợp sử dụng phương pháp dạy học dự án, đưa ra một số chủ đề dự án để các nhóm thực hiện.

Gợi ý một số chủ đề:

- + Ô-xtrây-li-a – một trong những nền kinh tế lớn của thế giới.
- + Nền nông nghiệp công nghệ cao của Ô-xtrây-li-a.
- + Dịch vụ – ngành kinh tế quan trọng nhất của Ô-xtrây-li-a.
- + Ngành công nghiệp của Ô-xtrây-li-a.
- + ...

– Bước 2: các nhóm thực hiện dự án.

– Bước 3: GV gọi đại diện các nhóm trình bày dự án.

– Bước 4: GV đánh giá, nhận xét sản phẩm của các nhóm.

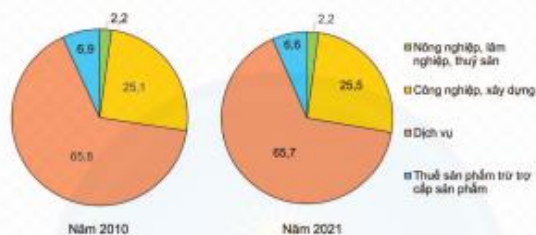
III. GỢI Ý MỘT SỐ THÔNG TIN THAM KHẢO

Thu thập tư liệu từ một số website như:

– Liên hợp quốc: <https://data.un.org>

– Ngân hàng Thế giới: <https://www.worldbank.org>

– Cục Thống kê Ô-xtrây-li-a: <http://abs.gov.au>



Hình 28.2. Cơ cấu GDP của Ô-xtrây-li-a, năm 2010 và 2021 (Đơn vị: %)

(Nguồn: WB, 2022)

Bảng 28. Quy mô và tốc độ tăng GDP của Ô-xtrây-li-a, giai đoạn 2010 – 2021

Năm	2010	2015	2021
Quy mô GDP (tỉ USD)	1 147	1 350	1 542
Tốc độ tăng GDP (%)	2,2	2,2	1,5

(Nguồn: WB, 2022)



Hình 28.3. Một góc thành phố Xr-ni (Sydney)



Hình 28.4. Tầng đá U-lu-ru (Uluru)

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu

- Xác định được sự phân bố kinh tế của Ô-xtrây-li-a trên bản đồ.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét.

b) Nội dung

HS dựa vào hình 28.1, hãy:

- Xác định sự phân bố một số sản phẩm ngành trồng trọt (lúa mì, nho, cây ăn quả,...), ngành chăn nuôi (bò, cừu), ngành đánh bắt hải sản của Ô-xtrây-li-a.
- Xác định sự phân bố một số trung tâm công nghiệp, một số ngành công nghiệp (công nghiệp khai thác, điện tử – tin học, hoá chất, hoá dầu, thực phẩm,...) của Ô-xtrây-li-a.
- Kể tên một số sân bay, cảng biển, điểm du lịch của Ô-xtrây-li-a.

c) Sản phẩm

Phiếu học tập số 1, 2, 3 của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

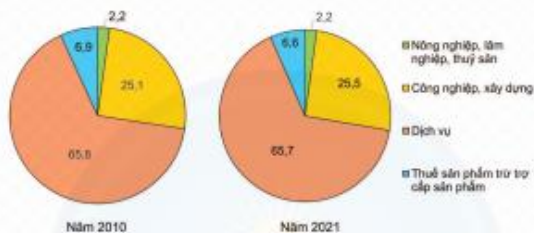
- Bước 1: GV chia lớp thành 6 nhóm và giao nhiệm vụ:
- + Nhóm 1, 4: hoàn thành phiếu học tập số 1.

NỘI DUNG SGK

III. GỢI Ý MỘT SỐ THÔNG TIN THAM KHẢO

Thu thập tư liệu từ một số website như:

- Liên hợp quốc: <https://data.un.org>
- Ngân hàng Thế giới: <https://www.worldbank.org>
- Cục Thống kê Ô-xtrây-li-a: <http://abs.gov.au>



Hình 28.2. Cơ cấu GDP của Ô-xtrây-li-a, năm 2010 và 2021 (Đơn vị: %)

(Nguồn: WB, 2022)

Bảng 28. Quy mô và tốc độ tăng GDP của Ô-xtrây-li-a, giai đoạn 2010 – 2021

Năm	2010	2015	2021
Quy mô GDP (tỉ USD)	1 147	1 350	1 542
Tốc độ tăng GDP (%)	2,2	2,2	1,5

(Nguồn: WB, 2022)



Hình 28.3. Một góc thành phố Xrô-ni (Sydney)



Hình 28.4. Tầng đá U-lu-ru (Uluru)

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

Phiếu học tập số 1

Dựa vào hình 28.1, hãy:

1. Hoàn thành thông tin vào bảng sau:

Sản phẩm chính	Phân bố
Trồng trọt	
	
	
Chăn nuôi	
	

2. Nhận xét sự phân bố ngành đánh bắt hải sản của Ô-xtrây-li-a.

.....

.....

.....

+ Nhóm 2, 5: hoàn thành phiếu học tập số 2

Phiếu học tập số 2

Dựa vào hình 28.1, hãy:

1. Hoàn thành thông tin vào bảng sau:

Tên trung tâm công nghiệp	Các ngành công nghiệp chính
.....	

2. Nhận xét sự phân bố các trung tâm công nghiệp của Ô-xtrây-li-a.

.....

.....

.....

+ Nhóm 3, 6: hoàn thành phiếu học tập số 3

Phiếu học tập số 3

Dựa vào hình 28.1, hoàn thành thông tin vào bảng sau:

Đối tượng	Kể tên
Sân bay	
Cảng biển	
Điểm du lịch	

– Bước 2: các nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.

– Bước 3: GV gọi đại diện các nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. 44

Bước 4: GV đánh giá phiếu học tập của các nhóm và chuẩn kiến thức

B. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC MỘT SỐ DẠNG BÀI HỌC

3. Dạng bài chuyên đề

CHUYÊN ĐỀ 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DU LỊCH THẾ GIỚI
(Thời gian thực hiện dự kiến: 10 tiết)

NỘI DUNG SGK

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

Chuyên đề
2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DU LỊCH THẾ GIỚI

Yêu cầu cần đạt:

- Chứng minh được sự đa dạng, phong phú của các loại tài nguyên du lịch trên thế giới, liên hệ được với tài nguyên du lịch Việt Nam.
- Trình bày được một số loại hình du lịch phổ biến trên thế giới hiện nay, liên hệ được với hoạt động du lịch ở Việt Nam.
- Trình bày được một số xu hướng phát triển du lịch trên thế giới.
- Liên hệ để hiểu được các định hướng phát triển du lịch Việt Nam.
- Liên hệ được các ngành nghề liên quan đến du lịch.

Du lịch đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của các quốc gia. Sự tiến bộ của khoa học – kĩ thuật làm tăng nhu cầu du lịch của con người. Sự phát triển của ngành du lịch góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống người dân, đồng thời thúc đẩy giao lưu văn hóa giữa các nước trên thế giới. Vậy, nguồn tài nguyên du lịch trên thế giới đa dạng và phong phú như thế nào? Đó là loại hình du lịch phổ biến hiện nay trên thế giới? Các xu hướng phát triển du lịch trên thế giới hiện nay? Những cơ hội việc làm trong ngành du lịch ra sao?

1. TÀI NGUYÊN DU LỊCH THẾ GIỚI

- Đưa vào thống tin trong bài, hãy:
- Chứng minh tài nguyên du lịch trên thế giới đa dạng, phong phú.
 - Nhận xét sự phân bố các điểm du lịch trên thế giới.

Tài nguyên du lịch trên thế giới rất đa dạng và phong phú. Tuy thuộc vào các tiêu chí khác nhau, sẽ có những cách phân loại tương ứng. Theo Luật Du lịch Việt Nam (năm 2017), tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hoá. Trong phát triển các hoạt động du lịch, nguồn tài nguyên du lịch đóng vai trò quan trọng để xây dựng, phát triển các loại hình và sản phẩm du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của du khách.

21

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Tạo tình huống học tập, kết nối kiến thức HS đã biết (hoặc muốn biết) về một số vấn đề du lịch thế giới.

b) Nội dung

HS vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi liên quan đến du lịch thế giới.

c) Sản phẩm

Nội dung trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: GV có thể lựa chọn 1 trong 4 phương án sau để dẫn dắt vào chuyên đề.

+ Phương án 1: GV sử dụng đoạn dẫn nhập trong SCĐ.

+ Phương án 2: GV sử dụng ngữ liệu trong SCĐ kết hợp kĩ thuật “động não” để HS nêu những gì đã biết về vấn đề du lịch thế giới.

+ Phương án 3: GV cho HS xem hình ảnh về một số điểm du lịch trên thế giới và trả lời câu hỏi định hướng.

+ Phương án 4: GV chia nhóm và sử dụng trò chơi “Ô chữ”, với các câu hỏi liên quan đến du lịch thế giới và Việt Nam. HS sẽ lần lượt trả lời các câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng, một từ khoá sẽ được mở. HS giờ tay trả lời từ khoá cần tìm của trò chơi.

– Bước 2: HS theo dõi và suy nghĩ câu trả lời.

– Bước 3: HS thực hiện nhiệm vụ.

– Bước 4: GV nhận xét, tuyên dương HS có kết quả tốt, dẫn nhập vào nội dung chuyên đề.



Hình 2.1. Các loại tài nguyên du lịch

1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm: cảnh quan thiên nhiên, các yếu tố địa chất, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái và các yếu tố tự nhiên khác. Nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên là cơ sở hình thành các điểm du lịch tự nhiên.

a) Địa hình

Một dạng địa hình được xem là tài nguyên du lịch khi nó có sức hút đối với du khách và được khai thác nhằm phục vụ cho mục đích du lịch. Có rất nhiều dạng địa hình, như núi, đồi, đồng bằng, hang động, bãi biển,... Mỗi dạng địa hình lại có nhiều tiêu chí để phân chia thành nhiều kiểu khác nhau. Tài nguyên du lịch địa hình rất phong phú và đa dạng, tạo điều kiện để hình thành các loại hình và sản phẩm du lịch đáp ứng nhu cầu của du khách, như du lịch nghỉ dưỡng, du lịch biển, du lịch mạo hiểm,...



Hình 2.2. Dãy núi An-pơ (Alps – Thụy Sĩ)

b) Khí hậu

Khí hậu có sự thay đổi từ xích đạo về hai cực, theo độ cao, theo thời gian và có mối quan hệ chặt chẽ với các thành phần tự nhiên khác và đời sống con người. Khí hậu trên thế giới rất đa dạng, được chia thành nhiều đới khí hậu và kiểu khí hậu khác nhau. Tài nguyên khí hậu có thể được khai thác phục vụ cho các mục đích du lịch khác nhau, như mục đích chữa bệnh, thể thao mùa đông, du lịch núi, du lịch biển,... Tài nguyên khí hậu còn tác động đến thời gian khai thác du lịch hay còn gọi là tính mùa của du lịch. Các khu vực có khí hậu thuận lợi sẽ có sức hấp dẫn lớn đối với khách du lịch và ngược lại. Điều kiện khí hậu, thời tiết ở các thời điểm trong năm sẽ khác nhau và tạo nên sự khác biệt về hoạt động du lịch thông qua các tiêu chí như số lượng khách, doanh thu, thời gian lưu trú, công suất sử dụng phòng,...

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 2.1: Tìm hiểu tài nguyên du lịch thế giới

a) Mục tiêu

Chứng minh được sự đa dạng, phong phú của các loại tài nguyên du lịch trên thế giới, liên hệ được với tài nguyên du lịch Việt Nam.

b) Nội dung

HS dựa vào thông tin trong bài, hãy:

- Chứng minh tài nguyên du lịch trên thế giới đa dạng, phong phú.
- Nhận xét sự phân bố các điểm du lịch trên thế giới.
- Liên hệ các tài nguyên du lịch ở Việt Nam.

c) Sản phẩm

Nội dung trình bày, phiếu học tập số 1, 2 của HS.

d) Tổ chức thực hiện

– Bước 1:

- + GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở kết hợp kĩ thuật “động não” để HS tìm hiểu về tài nguyên du lịch, phân loại tài nguyên du lịch.
- + GV sử dụng phương pháp đóng vai, với bối cảnh: du lịch ngày càng phát triển và có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội ở mỗi quốc gia. Các tài nguyên du lịch đều có giá trị, vì vậy, một cuộc họp Tài nguyên du lịch thế giới được tổ chức để lựa chọn những loại tài nguyên du lịch cần ưu tiên khai thác. GV chia lớp thành các nhóm (mỗi nhóm từ 4 đến 5 HS) và đóng vai là một loại tài nguyên du lịch.

NỘI DUNG SGK

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

c) Nguồn nước

Nguồn nước dồi dào, chất lượng tốt sẽ là điều kiện thuận lợi để đáp ứng nhu cầu khách du lịch. Tài nguyên nước đa dạng, bao gồm nước trên lục địa, trên biển, đại dương. Trên lục địa lại có nước mặt (sông, suối, ao, hồ) và nước ngầm. Chỉ tính riêng các con sông dài trên 1 000 km thì thế giới đã có gần 150 con sông, khoảng 50 hồ trên lục địa với diện tích lên đến hơn 2 000 km², phân bố rộng khắp ở các khu vực trên thế giới. Tài nguyên nước là cơ sở để phát triển nhiều loại hình du lịch, sản phẩm du lịch. Giá trị của tài nguyên nước trong phát triển du lịch được thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau. Khu vực có nhiều sông, suối, hồ,... hoặc vùng biển rộng lớn, phong cảnh đẹp,... có thể phát triển du lịch vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng. Khu vực có nguồn suối khoáng nóng, giá trị cao sẽ là cơ sở để phát triển loại hình du lịch chăm sóc sức khoẻ. Bên cạnh đó, giá trị của tài nguyên nước trong phát triển du lịch còn được gắn liền với yếu tố phong cảnh. Những không gian mặt nước là cơ sở để xây dựng, phát triển các dịch vụ du lịch (nhà hàng, khách sạn nổi,...) tạo sức hút đối với du khách. Vì vậy, khi tài nguyên nước thật sự trở thành tài nguyên có giá trị cao trong thu hút du khách, phát triển du lịch thì vấn đề bảo vệ tài nguyên này luôn cần được quan tâm.

d) Sinh vật

Ngày nay, các không gian xanh với sự đa dạng về động, thực vật luôn là những địa điểm được khách du lịch quan tâm hàng đầu. Trên thế giới, có nhiều kiểu thảm thực vật, phân bố theo các vĩ độ khác nhau từ xích đạo về hai cực. Sự phong phú, đa dạng, có giá trị cao của sinh vật là cơ sở quan trọng để hình thành nên các sản phẩm du lịch. Tài nguyên sinh vật còn là nguồn cung cấp dược liệu, thực phẩm và là nguyên liệu để chế tác các đồ thủ công mỹ nghệ đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Tài nguyên sinh vật được khai thác cho du lịch thông qua một số hoạt động như tham quan, săn bắn thể thao, nghiên cứu khoa học,... Tuy nhiên, tài nguyên sinh vật rất nhạy cảm và dễ bị tổn thương trước những tác động của con người. Vì vậy, vấn đề bảo tồn, phát triển bền vững cần được chú trọng trong khai thác tài nguyên này.

2. Tài nguyên du lịch văn hoá

Tài nguyên du lịch văn hoá bao gồm: di tích lịch sử – văn hoá, khảo cổ, kiến trúc; lễ hội, văn nghệ dân gian; công trình lao động sáng tạo của con người các giá trị văn hoá khác; ... Tài nguyên du lịch văn hoá là cơ sở để hình thành các điểm du lịch văn hoá và góp phần quan trọng trong việc đa dạng hoá các loại hình du lịch.

a) Di tích lịch sử – văn hoá

Di tích lịch sử – văn hoá là tài sản vô giá của mỗi địa phương, mỗi quốc gia và cả nhân loại. Dựa vào nội dung và đặc điểm, di tích lịch sử – văn hoá được chia thành nhiều loại khác nhau như: di tích khảo cổ, di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật,... Các di tích lịch sử – văn hoá là những công trình mang giá trị truyền thống cho các thế hệ công dân ở các quốc gia và là hình ảnh của mỗi quốc gia, dân tộc khi



Hình 2.3. Chùa cổ Ki-dô-mi-du-Đê-ri (Kiyomizu-dera – Nhật Bản)

23

- + GV yêu cầu mỗi nhóm chuẩn bị một câu khẩu hiệu đại diện thể hiện vai trò quan trọng của loại tài nguyên du lịch được nhập vai. Từng nhóm phải làm rõ được đặc trưng, vai trò của loại tài nguyên mình phụ trách và cho ví dụ ở Việt Nam.
- Bước 2: các nhóm thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 3: đại diện nhóm lần lượt trình bày nội dung của mình vào giấy A0,... sau đó tranh luận với các nhóm khác để thuyết phục tài nguyên mình đóng vai cần được ưu tiên khai thác. Trong thời gian một nhóm trình bày nội dung thì các nhóm khác ghi ý chính liên quan đến tài nguyên du lịch vào phiếu học tập số 1 và số 2.
- Bước 4: GV nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện tốt và chuẩn kiến thức cho HS.

Việt Nam có tài nguyên du lịch tự nhiên đa dạng, phong phú với hơn 125 bãi biển, 200 hang động, gần 250 nguồn nước khoáng nóng, 34 vườn quốc gia (năm 2020),... và các di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO ghi danh. Bên cạnh đó, nước ta trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước nên những giá trị truyền thống, văn hoá rất đa dạng. Nước ta có hơn 41 000 di tích, trong đó có hơn 9 000 di tích được xếp hạng cấp quốc gia, 9 000 lễ hội và hơn 110 bảo tàng trong cả nước (năm 2020). Đặc biệt, Việt Nam còn có nhiều di sản văn hoá thế giới, là lợi thế lớn trong việc thu hút du khách, thúc đẩy sự phát triển ngành du lịch.



II. MỘT SỐ LOẠI HÌNH DU LỊCH PHỔ BIẾN VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN THẾ GIỚI

1. Một số loại hình du lịch phổ biến

- ?** Dựa vào các bảng 2.1, 2.2 và thông tin trong bài, hãy:
- Cho biết một số loại hình du lịch phổ biến trên thế giới.
 - Trình bày tình hình hoạt động du lịch ở Việt Nam.

Loại hình du lịch là hình thức phân nhóm hoạt động du lịch theo một hoặc một số tiêu chí nhất định, nhằm phục vụ nhu cầu khác nhau của du khách. Có nhiều cách phân loại hoạt động du lịch thành các loại hình du lịch. Mỗi cách đều có ý nghĩa riêng trong công tác tổ chức hoạt động du lịch. Trong đó, phổ biến là cách phân loại theo phương tiện di chuyển và theo mục đích chuyến đi.

a) Phân loại theo phương tiện di chuyển

Cách phân loại loại hình du lịch theo phương tiện di chuyển dựa trên phương tiện giao thông chủ yếu của khách du lịch được sử dụng trong chuyến đi. Theo đó, hoạt động du lịch được phân chia thành du lịch đường bộ, du lịch đường sắt, du lịch đường thủy (sông, biển), du lịch đường hàng không. Hiện nay, trên thế giới, loại hình giao thông vận tải đường bộ và đường hàng không chiếm tỉ trọng lớn về số lượt khách du lịch quốc tế đến. Trong đó, tỉ trọng khách du lịch tham gia loại hình du lịch đường hàng không gia tăng qua các năm.

2.2. Hoạt động 2.2: Tìm hiểu một số loại hình du lịch phổ biến trên thế giới

a) Mục tiêu

Trình bày được một số loại hình du lịch phổ biến trên thế giới hiện nay, liên hệ được với hoạt động du lịch ở Việt Nam.

b) Nội dung

HS dựa vào bảng 2.1, bảng 2.2 và thông tin trong bài, hãy:

- Cho biết một số loại hình du lịch phổ biến trên thế giới.
- Trình bày tình hình hoạt động du lịch ở Việt Nam.

c) Sản phẩm

Nội dung trình bày và sơ đồ của nhóm HS.

d) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, dạy học theo nhóm, dạy học trực quan, nghiên cứu trường hợp điển hình kết hợp kĩ thuật “sơ đồ tư duy”:

+ GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm (mỗi nhóm từ 4 đến 6 HS). Các nhóm thảo luận và trình bày kết quả bằng sơ đồ tư duy về một số loại hình du lịch phổ biến trên thế giới.

Lưu ý: trong sơ đồ tư duy, nội dung chính thể hiện ở giữa, các nhánh sơ đồ có độ dày khác nhau. HS sử dụng từ khoá, hình ảnh minh hoạ hoặc các màu sắc để thể hiện nội dung cho mỗi nhánh nhằm tăng tính trực quan cho sơ đồ. Ngoài ra, HS có thể cho ví dụ về sự phát triển của loại hình du lịch gắn với quốc gia cụ thể.

NỘI DUNG SGK

NỘI DUNG GIÁO ÁN (CV 5512)

Bảng 2.1. Cơ cấu lượt khách du lịch quốc tế đến phân theo loại hình giao thông vận tải trên thế giới, giai đoạn 2005 – 2019

(Đơn vị: %)

Năm	2005	2010	2015	2019
Loại hình du lịch				
Đường bộ (đường ô tô)	43,0	41,0	39,0	35,0
Đường sắt	5,0	2,0	2,0	1,0
Đường thủy	7,0	6,0	5,0	5,0
Đường hàng không	45,0	51,0	54,0	59,0

(Nguồn: UNWTO, 2006, 2011, 2016, 2020)

b) Phân loại theo mục đích chuyến đi

Cách phân loại loại hình du lịch theo mục đích chuyến đi dựa trên mục đích chính trong chuyến đi của du khách. Theo cách phân loại này, mục đích chuyến đi được phân thành hai nhóm:

– Du lịch công vụ và kinh doanh: mục đích chính của du khách theo loại hình du lịch này là thực hiện các công việc chung của tổ chức hoặc thực hiện các công việc kinh doanh cá nhân, như tham dự hội nghị, hội thảo, triển lãm thương mại, mua bán hàng hoá nhằm thu lợi nhuận,... Loại hình du lịch này thường phát triển ở các đô thị lớn.

– Du lịch cá nhân: loại hình này gồm tất cả các mục đích của khách du lịch không nằm trong loại hình du lịch công vụ và kinh doanh. Các loại hình du lịch trong nhóm này gồm:

+ Nghỉ lễ, nghỉ dưỡng, giải trí: khách du lịch thực hiện chuyến đi nhằm mục đích nghỉ lễ, tham quan các điểm du lịch, tham dự các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí,... Loại hình du lịch này thường phát triển ở những nơi có tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hoá đa dạng, đặc sắc.

+ Thăm thân nhân: du khách thực hiện chuyến đi chủ yếu nhằm mục đích thăm bạn bè, người thân hoặc tham dự các sự kiện do họ tổ chức.

+ Giáo dục và đào tạo: khách du lịch thực hiện chuyến đi chủ yếu nhằm học tập, nghiên cứu, trao đổi học thuật trong thời gian ngắn.

+ Chăm sóc sức khoẻ và y tế: du khách thực hiện chuyến đi nhằm chăm sóc sức khoẻ, chữa bệnh. Một số quốc gia châu Á phát triển loại hình du lịch này như Hàn Quốc, Xin-ga-po, Thái Lan,...

+ Tâm linh: khách du lịch thực hiện chuyến đi chủ yếu nhằm mục đích tham dự các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng. Loại hình du lịch này gắn với các địa điểm là nơi phát tích của các tôn giáo hoặc các địa điểm linh thiêng.

+ Mua sắm: du khách thực hiện chuyến đi nhằm mục đích mua hàng, phục vụ nhu cầu cá nhân hoặc làm quà tặng. Loại hình du lịch này phát triển ở các đô thị lớn, các khu vực cửa khẩu.

+ Quà cảnh: khách du lịch tạm dừng ở một quốc gia và đi du lịch trong khi chờ phương tiện giao thông đưa tới một quốc gia khác. Loại hình du lịch này thường phát triển ở các đầu mối giao thông vận tải, ở những đô thị lớn.

27

+ GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở kết hợp dạy học trực quan để hướng dẫn HS tìm hiểu về tình hình hoạt động du lịch ở Việt Nam.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

+ HS trong nhóm làm việc độc lập, ghi lại phần trình bày của mình và thảo luận cùng nhóm. Kết thúc thảo luận, nhóm HS ghi lại nội dung đã thống nhất bằng sơ đồ tư duy trên giấy khổ lớn (như giấy A0).

+ HS dựa vào thông tin trong bài để trình bày tình hình hoạt động du lịch ở Việt Nam (các loại hình du lịch phổ biến, số lượt khách du lịch quốc tế đến, doanh thu du lịch, đóng góp của ngành du lịch trong phát triển kinh tế – xã hội của đất nước,...).

– Bước 3: HS trình bày kết quả:

+ HS trưng bày sản phẩm sơ đồ của nhóm mình. Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

+ HS trả lời câu hỏi về hoạt động du lịch ở Việt Nam.

– Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi cho các nhóm. GV tuyên dương, ghi điểm những nhóm làm tốt.

phát huy các giá trị văn hoá, gìn giữ cảnh quan và bảo vệ môi trường.

– Xu hướng du lịch thông minh, du lịch thực tế ảo.

Cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động mạnh mẽ đến phương thức quản lý và kinh doanh du lịch, góp phần hình thành các xu hướng du lịch mới như xu hướng du lịch thông minh (Smart tourism). Theo xu hướng du lịch này, các hoạt động du lịch gắn với việc sử dụng các thiết bị điện tử có kết nối internet, như xác định vị trí điểm đến, đặt dịch vụ và thanh toán các dịch vụ du lịch trên điện thoại thông minh.... Tại các bảo tàng, khu vui chơi giải trí hiện đại, công nghệ thực tế ảo cũng ngày càng phát triển, làm gia tăng trải nghiệm mới cho khách du lịch.



Hình 2.6. Du lịch sinh thái tại Vườn bách thảo Bàu-dơ (Hàngang – Thái Lan)

– Xu hướng tăng cường hợp tác quốc tế về du lịch.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, hoạt động du lịch có sự hợp tác ngày càng sâu rộng giữa các nước, các tổ chức quốc tế.

b) Định hướng phát triển du lịch Việt Nam

Tại Việt Nam, hoạt động du lịch được định hướng phát triển như sau:

– Phát triển đồng thời thị trường khách du lịch nội địa và thị trường khách du lịch quốc tế.

– Ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch hội nghị, hội thảo và du lịch nghỉ dưỡng biển. Đồng thời, phát triển sản phẩm du lịch bổ trợ như du lịch tham quan di tích lịch sử – văn hoá, du lịch sinh thái, du lịch khám phá, nghiên cứu khoa học tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn; du lịch thể thao và tâm linh; du lịch tàu biển.



Hình 2.7. Một khu nghỉ dưỡng trên bãi biển ở Phú Quốc (Việt Nam)

– Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư phát triển du lịch, như vốn từ ngân sách, vốn ODA, vốn FDI, vốn huy động từ sự đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế trong nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2.3. Hoạt động 2.3: Tìm hiểu xu hướng phát triển du lịch trên thế giới và định hướng phát triển du lịch Việt Nam

a) Mục tiêu

- Trình bày được một số xu hướng phát triển du lịch trên thế giới.
- Liên hệ để hiểu được các định hướng phát triển du lịch Việt Nam.

b) Nội dung

Dựa vào hình 2.6, hình 2.7 và thông tin trong bài, hãy trình bày:

- Một số xu hướng phát triển du lịch trên thế giới.
- Các định hướng chủ yếu trong phát triển du lịch Việt Nam.

c) Sản phẩm

Nội dung trình bày của HS.

d) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: GV sử dụng phương pháp dạy học theo nhóm, dạy học trực quan, nghiên cứu trường hợp điển hình kết hợp kĩ thuật “khăn trải bàn” để tổ chức hoạt động dạy học. GV chia lớp thành 4 nhóm (nhóm tối ưu 4 HS) và thực hiện thảo luận các nội dung sau:

+ Các nhóm chẵn: tìm hiểu về xu hướng phát triển du lịch trên thế giới (kết hợp nghiên cứu trường hợp điển hình ở một điểm du lịch cụ thể).

+ Các nhóm lẻ: tìm hiểu về định hướng phát triển du lịch Việt Nam.

– Bước 2: các nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao. HS trong nhóm làm việc độc lập, ghi lại phần trình bày của mình và thảo luận cùng nhóm. Kết thúc thảo luận, các HS ghi lại ý kiến chung của nhóm về nội dung câu hỏi vào giấy khổ lớn (như giấy A0).

– Bước 3: các nhóm dán kết quả của mình lên bảng. Đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác bổ sung, nhận xét.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu

Củng cố kiến thức bài học.

b) Nội dung

HS thực hiện các nhiệm vụ sau (phần Luyện tập SCD trang 30):

Câu 1. Cho ví dụ về các loại tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hoá ở nước ta.

Câu 2. Chọn một loại hình du lịch được phân loại theo mục đích chuyến đi và tìm hiểu về đặc điểm phát triển, phân bố của loại hình du lịch đó trên thế giới.

Câu 3. Trình bày và cho ví dụ về các định hướng phát triển du lịch Việt Nam.

Câu 4. Khoanh tròn chữ cái ứng với ý đúng.

1. Ý nào dưới đây *không* đúng khi đề cập đến tài nguyên du lịch tự nhiên?

- A. Bao gồm cảnh quan thiên nhiên, các yếu tố địa chất, địa mạo, hệ sinh thái.
- B. Bao gồm cảnh quan thiên nhiên, lễ hội, các yếu tố địa chất, địa mạo, thuỷ văn, khí hậu.
- C. Bao gồm cảnh quan thiên nhiên, các yếu tố địa chất, thuỷ văn, khí hậu, hệ sinh thái.
- D. Bao gồm cảnh quan thiên nhiên, các yếu tố địa chất, địa mạo, thuỷ văn, hệ sinh thái.

2. Những di sản văn hoá thế giới được UNESCO công nhận tại Việt Nam là

- A. Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, Quần thể di tích Cố đô Huế.
- B. Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, vịnh Hạ Long.
- C. Quần thể di tích Cố đô Huế, nhã nhạc cung đình Huế, vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.
- D. Thánh địa Mỹ Sơn, vịnh Hạ Long, vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

LUYỆN TẬP

1. Cho ví dụ về các loại tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hoá ở nước ta.
2. Chọn một loại hình du lịch được phân loại theo mục đích chuyến đi và tìm hiểu về đặc điểm phát triển, phân bố của loại hình du lịch đó trên thế giới.
3. Trình bày và cho ví dụ về các định hướng phát triển du lịch Việt Nam.

VẬN DỤNG

Hãy sưu tầm tài liệu và mô tả vị trí công việc trong ngành nghề liên quan đến du lịch hiện nay.

3. Tài nguyên nào tác động rõ rệt nhất đến việc hình thành tính mùa của du lịch?

- A. di tích lịch sử – văn hoá.
- B. nguồn nước.
- C. lễ hội.
- D. khí hậu.

4. Nguyên nhân nào tạo nên đặc trưng về tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hoá giữa các quốc gia?

- A. Sự khác nhau về đặc điểm tự nhiên.
- B. Sự khác nhau về đặc điểm kinh tế.
- C. Sự khác nhau về đặc điểm tự nhiên, văn hoá, xã hội.
- D. Sự khác nhau về đặc điểm kinh tế, dân cư, xã hội.

5. Hiện nay trên thế giới, loại hình giao thông vận tải nào chiếm tỉ trọng lớn về số lượt khách du lịch quốc tế đến?

- A. Đường bộ và đường thuỷ.
- B. Đường hàng không và đường bộ.
- C. Đường sắt và đường ô tô.
- D. Đường thuỷ và đường sắt.

6. Khách du lịch tạm dừng ở một quốc gia và đi du lịch trong khi chờ phương tiện giao thông đưa tới một quốc gia khác được gọi là

- A. du lịch quá cảnh.
- B. du lịch tâm linh.
- C. du lịch thăm thân nhân.
- D. du lịch nghỉ dưỡng, giải trí.

7. Hiện nay trên thế giới, loại hình du lịch có tỉ trọng khách du lịch quốc tế đến lớn nhất là

- A. du lịch thăm thân nhân, sức khoẻ, tâm linh.
- B. du lịch công vụ và kinh doanh.
- C. du lịch nghỉ lễ, nghỉ dưỡng, giải trí.
- D. du lịch thực hiện công việc thiện nguyện.

LUYỆN TẬP

1. Cho ví dụ về các loại tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hoá ở nước ta.
2. Chọn một loại hình du lịch được phân loại theo mục đích chuyến đi và tìm hiểu về đặc điểm phát triển, phân bố của loại hình du lịch đó trên thế giới.
3. Trình bày và cho ví dụ về các định hướng phát triển du lịch Việt Nam.

VẬN DỤNG

Hãy sưu tầm tài liệu và mô tả vị trí công việc trong ngành nghề liên quan đến du lịch hiện nay.

8. Theo dự báo, đến năm 2030, khu vực có số lượt khách du lịch quốc tế đến dẫn đầu thế giới là

A. khu vực Bắc Âu.

B. khu vực Mỹ Latinh.

C. khu vực Tây Nam Á.

D. khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

9. Ý nào dưới đây *không* phải là xu hướng phát triển của du lịch thế giới hiện nay?

A. Du lịch bền vững.

B. Du lịch thông minh.

C. Du lịch thực tế ảo.

D. Du lịch công vụ.

c) Sản phẩm

Nội dung trình bày của HS.

d) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: GV có thể tổ chức để HS làm việc cá nhân hoặc làm việc cặp đôi với kỹ thuật “chia sẻ nhóm đôi”. GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ ở mục b.

– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được giao.

– Bước 3: GV gọi một số HS hoặc đại diện nhóm HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét, góp ý, tuyên dương những nhóm trình bày tốt và chuẩn kiến thức.

LUYỆN TẬP

1. Cho ví dụ về các loại tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hoá ở nước ta.
2. Chọn một loại hình du lịch được phân loại theo mục đích chuyến đi và tìm hiểu về đặc điểm phát triển, phân bố của loại hình du lịch đó trên thế giới.
3. Trình bày và cho ví dụ về các định hướng phát triển du lịch Việt Nam.

VẬN DỤNG

Hãy sưu tầm tài liệu và mô tả vị trí công việc trong ngành nghề liên quan đến du lịch hiện nay.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

Liên hệ được các ngành nghề liên quan đến du lịch.

b) Nội dung

Dựa vào thông tin trong bài, hãy sưu tầm tài liệu và mô tả vị trí công việc trong ngành nghề liên quan đến du lịch hiện nay (phần Vận dụng SCD trang 30).

c) Sản phẩm

Nội dung sưu tầm của HS.

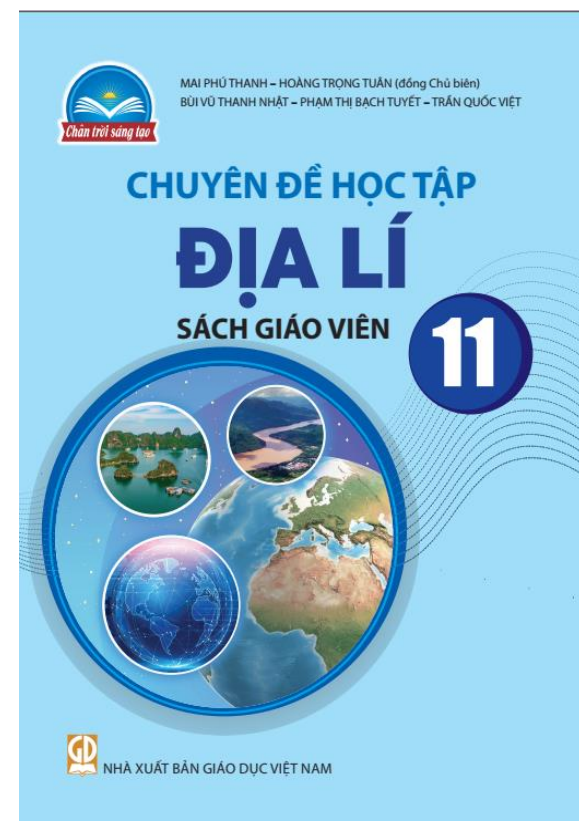
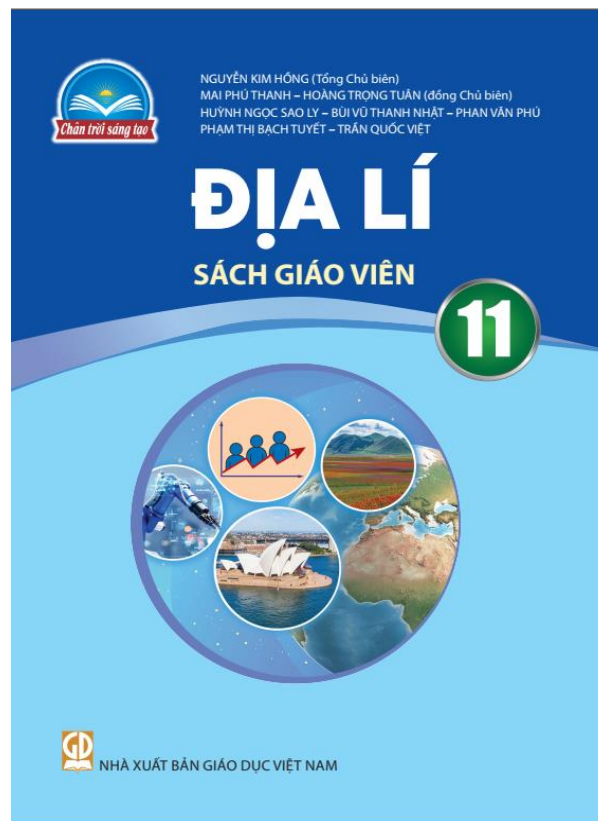
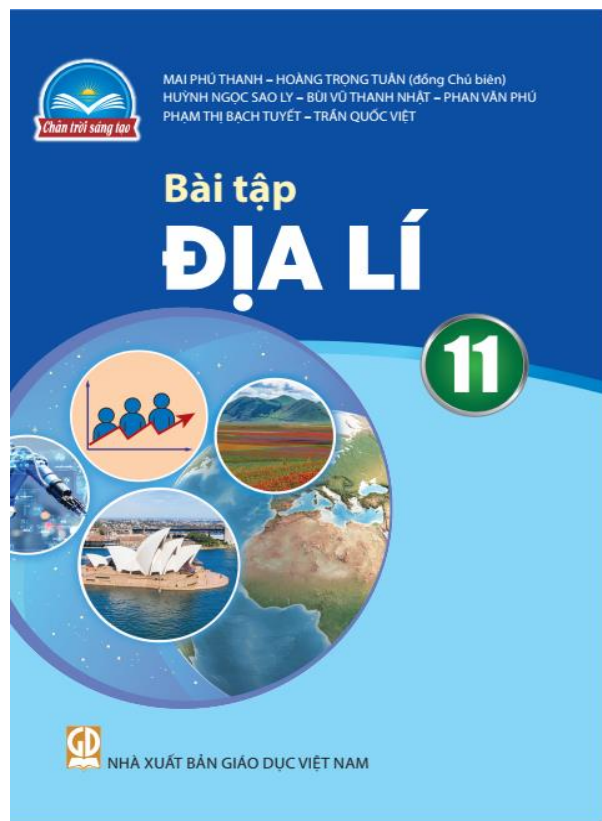
d) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ được giao ở mục b (ngoài giờ học).
- Bước 2: HS tìm hiểu và chuẩn bị bài làm của mình.
- Bước 3: HS trình bày báo cáo trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: GV đánh giá, nhận xét sản phẩm của HS, tuyên dương các HS thực hiện tốt.



C. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

Các tài liệu hỗ trợ SGK Địa lí 11



1. Hệ tài nguyên trực tuyến

- Giới thiệu sách
- Hướng dẫn sử dụng sách
- Ma trận kiến thức, kĩ năng
- Phân phối chương trình
- Kế hoạch giảng dạy tham khảo
- Tài liệu tập huấn
- Video giới thiệu môn học
- ...

taphuan.nxbgd.vn

hanhtrangso.nxbgd.vn

www.chantroisangtao.vn

2. Góc hỗ trợ

- ✓ Ghi nhận các góp ý của GV, bạn đọc,....
- ✓ Kết nối tập huấn giữa GV với Tổng Chủ biên, chủ biên, tác giả.
- ✓ Hỗ trợ phát hành và công tác thư viện.



[*www.chantroisangtao.vn/hotro*](http://www.chantroisangtao.vn/hotro)



Trân trọng cảm ơn!